



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 46 (từ 16/11 - 20/11/2015)

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, giới đầu tư có xu hướng tập trung vào tài sản trú ẩn, kể cả vàng và trái phiếu kho bạc sau các cuộc tấn công khủng bố tại Paris và lo ngại về triển vọng kinh tế Trung Quốc. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) vừa hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống chỉ còn lần lượt 2,9% và 3,3% trong năm 2015 và 2016.

Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu tại Thái Lan và Việt Nam không biến động trong tuần qua, thị trường gạo châu Á đang nghe ngóng về tình hình giá dầu thế giới giảm có ảnh hưởng đến nhu cầu của châu Phi đối với gạo Thái hay không. Căng thẳng chính trị ở I-rắc và Xy-ri cũng có thể là tác nhân hạn chế nhu cầu đối với gạo Thái.

Giá chè tại Bangladesh tăng trở lại do sự sụt giảm về cung cùng với nhu cầu cao cho mùa đông. Thị trường hạt tiêu Ấn Độ sôi động do các thương nhân nội địa và các nhà xuất khẩu hàng đầu đã bắt đầu đẩy mạnh giao dịch trên khắp các thị trường trong nước vào giai đoạn thường có nhu cầu cao cho mùa đông và kỳ Tết năm mới sắp đến.

Giá đường giảm do thông tin Ấn Độ sẽ trợ giá cho nông dân trồng mía đường, động thái này dự kiến làm tăng lượng đường xuất khẩu của quốc gia sản xuất đường lớn thứ 2 trên thế giới. Giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ giảm nhẹ do một số nhà chế biến và đóng gói thịt lợn đã có đủ lượng hàng cho kỳ nghỉ lễ sắp tới.

Thị trường trong nước: Sau khi tăng liên tục trong 3 tuần liền, giá lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua đã bình ổn trở lại do thiếu nhu cầu mới.

Giá thu mua hạt điều khô tại Bình Phước tăng do các cơ sở chế biến hạt điều tập trung sản xuất hàng cho dịp Tết để cung cấp cho thị trường phía Bắc. Giá sầu riêng tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long tăng vọt do đang là thời điểm nghịch vụ, sản lượng sầu riêng tương đối ít và nhu cầu tiêu thụ mạnh từ phía Trung Quốc.

Giá lợn hơi ở các tỉnh ĐBSCL thời gian qua ở mức thấp do ảnh hưởng từ thông tin một số trang trại chăn nuôi lợn trong nước sử dụng chất cấm để tạo nạc, nên người tiêu dùng e ngại khi sử dụng thịt lợn. Bên cạnh đó, các tỉnh ĐBSCL hiện đang vào mùa nước nổi, cá đồng và nhiều loại thủy sản khác được bày bán nhiều tại các chợ cũng là nguyên nhân khiến mặt hàng này tiêu thụ chậm, ảnh hưởng đến giá cả.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu tại Thái Lan và Việt Nam không biến động trong tuần qua, thị trường gạo châu Á đang nghe ngóng về tình hình giá dầu thế giới giảm có ảnh hưởng đến nhu cầu của châu Phi đối với gạo Thái hay không. Căng thẳng chính trị ở I-rắc và Xy-ri cũng có thể là tác nhân hạn chế nhu cầu đối với gạo Thái.



Giá dầu thế giới đã thiết lập kỷ lục sụt giảm mạnh nhất trong 8 tháng vào tuần trước, và dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức

thấp đến năm 2016 do sản lượng dầu mỏ tiếp tục vượt nhu cầu. Điều này có thể tác động đến nhu cầu gạo của các nước châu Phi, khách hàng chủ chốt của gạo Thái Lan bởi dầu mỏ là nguồn thu nhập chính.

Tuần qua, giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan ổn định ở mức tuần trước 350 – 360 USD/tấn, FOB Băng Cốc, mặc dù trong tuần đã có lúc tăng lên 365 USD/tấn (ngày 12/11). Khách hàng ở Trung Đông đã đặt mua một vài đơn hàng nhỏ, song các nhà nhập khẩu ở I-rắc và Xy-ri đã dừng mua vào do xung đột chính trị.

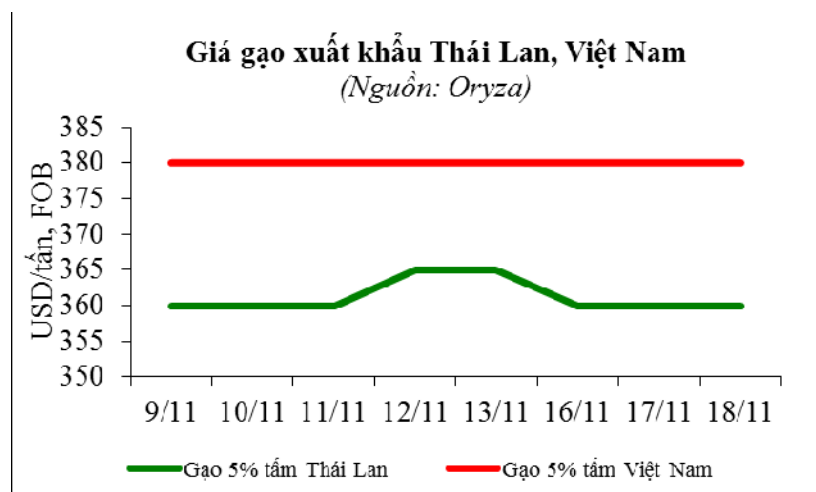
Trong báo cáo Tổng quan ngành hàng Lúa gạo tháng 11/2015, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo thương mại gạo toàn cầu năm 2015 đạt khoảng 42,5 triệu tấn, giảm 800.000 tấn so với 43,3 triệu tấn năm 2014 và gần như không đổi so với 42,4 triệu tấn dự báo tháng trước. USDA dự báo xuất khẩu gạo của Thái Lan năm 2015 giảm 2 triệu tấn, tương đương 18%, đồng thời cho biết, xuất khẩu gạo của Ấn Độ, Pakistan và Mỹ tăng đủ bù đắp sự sụt giảm của Thái Lan. Về nhập khẩu, USDA hạ dự báo triển vọng nhập khẩu gạo của Iran, Bangladesh, Ghana, Colombia, Sri Lanka và Mỹ. Theo ước tính của USDA, thương mại gạo toàn cầu năm 2016 đạt 41,9 triệu tấn, giảm 160.000 tấn so với 42,06 triệu tấn dự báo hồi tháng trước và giảm 600.000 tấn so với 42,5 triệu tấn năm 2015.

Theo Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin (PSA), sản lượng lúa năm 2015 có thể giảm xuống 18,3 triệu tấn, giảm 3,54% so với 18,97 triệu tấn năm 2014 và giảm hơn 9% so với mục tiêu 20,08 triệu tấn, do thời tiết khô hạn bởi hiện tượng El Nino và hàng loạt các cơn bão. PSA ước tính sản lượng lúa quý IV/2015 giảm 1,84% xuống 7,42 triệu tấn. Sản lượng lúa trong 9 tháng đầu năm 2015 chỉ đạt 10,875 triệu tấn, giảm 4,7% so với 11,407 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, PSA dự báo sản lượng lúa trong quý I/2016 sẽ được cải thiện và đạt 4,38 triệu tấn, tăng 0,31% so với 4,36 triệu tấn năm 2014. Chính phủ Phi-lip-pin đã thông qua việc nhập khẩu 500.000 tấn gạo trong quý I/2016 và đang lên kế hoạch nhập khẩu thêm 1,3 triệu tấn trước khi quý II/2016 kết thúc.

LÚA GẠO



Theo Tổ chức Nông Lương Liên Hiệp Quốc (FAO), giá bình quân gạo chất lượng trung bình tại In-đô-nê-xia trong tháng 10 đạt kỷ lục 10,414 triệu rupiah (750 USD/tấn) do lo ngại sản lượng lúa giảm và lượng gạo lưu kho giảm. Giá gạo tại In-đô-nê-xia tăng một phần do xuống giống vụ chính 2015-2016 (tháng 9/2015 - tháng 4/2016) chậm trễ. Việc xuống giống chậm trễ chủ yếu do lượng mưa trong tháng 10 thấp hơn mức trung bình. Sản lượng lúa của In-đô-nê-xia năm 2016 sẽ phụ thuộc lớn vào nguồn cung nước tưới tiêu cho vụ chính và vụ 2 sắp đến. Trong khi đó, thu hoạch vụ 2 năm 2015 (giữa tháng 3 - giữa tháng 10) sẽ bắt đầu vào tháng 12. Thời tiết khô hạn kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 tại nhiều khu vực trồng lúa đã khiến lịch xuống giống bị chậm trễ và kéo giảm năng suất. FAO ước tính sản lượng lúa năm 2015 của In-đô-nê-xia đạt 73 triệu tấn, giảm 2,6 triệu tấn so với dự báo trước đó, nhưng vẫn cao hơn 3% so với 70,846 triệu tấn năm 2014. FAO cũng dự báo nhập khẩu gạo của In-đô-nê-xia niên vụ 2015-2016 (tháng 4 - tháng 3) đạt 1,3 triệu tấn do sản lượng lúa gạo năm 2016 không ổn định.



Thị trường trong nước: Sau khi tăng liên tục trong 3 tuần liền, giá lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua đã bình ổn trở lại, giá thu mua lúa ổn định ở mức cao. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa, gạo tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua như sau: tại An Giang, lúa IR50404 ở mức 4.900 đ/kg; lúa OM 2514, OM 1490 ở mức 5.000 đ/kg (lúa tươi). Tại Bạc Liêu, giá lúa khô ở mức 5.700 – 5.800 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa tẻ thường tăng 100 đ/kg, từ 5.800 đ/kg lên 5.900 đ/kg; lúa dài giữ ở mức 6.000 đ/kg.



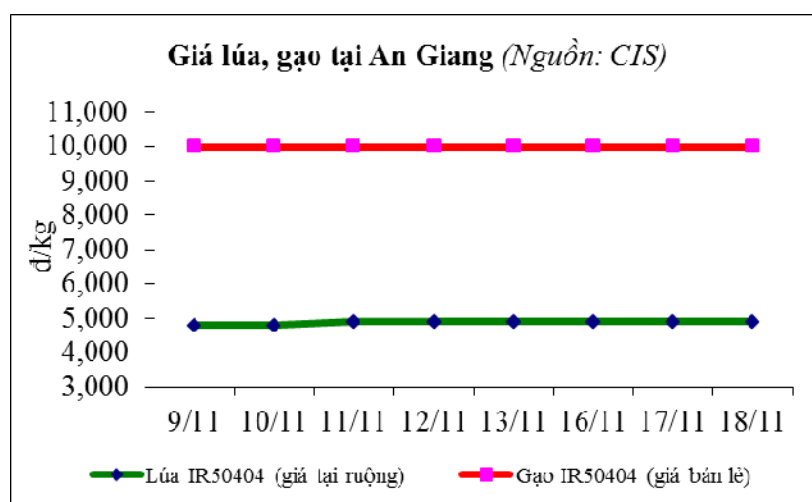
LÚA GẠO



Hiện nay, nông dân tại Cần Thơ và nhiều tỉnh vùng ĐBSCL đang tích cực chuẩn bị lúa giống để bước vào gieo sạ vụ Đông Xuân 2015/2016. Thị trường lúa giống bắt đầu sôi động, nhưng giá lúa giống bình ổn tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân tiếp cận các nguồn giống chất lượng. Năm nay, nguồn cung lúa giống Jasmine 85 dồi dào, không xảy ra thiếu hàng, sốt giá cục bộ tại một số địa phương như cùng kỳ năm trước. Giá lúa giống Jasmine 85 cấp xác nhận chỉ từ 12.500 - 13.000 đ/kg, còn cấp nguyên chủng từ 14.000 - 14.500 đ/kg, giảm so với 12.500 - 14.000 đ/kg giống xác nhận và cấp nguyên chủng từ 14.700 - 15.000 đồng/kg. Giá bán nhiều loại lúa giống khác trên thị trường cũng đang thấp hơn từ 500 - 1.500 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước và được nhiều điểm kinh doanh giữ giá bán bình ổn so với cách đây một vài tuần. Cụ thể: các giống lúa thông dụng như IR 50404, OM 2517, OM 5451... phổ biến ở mức 10.000 - 11.500 đ/kg đối với cấp xác nhận và khoảng 13.000 - 13.500 đ/kg cấp nguyên chủng. Lúa giống OM 7347 và OM 6976 khoảng 12.000 - 12.500 đ/kg đối với cấp xác nhận và 13.500 - 14.000 đ/kg đối với cấp nguyên chủng.

Tuần qua, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam ổn định ở mức tuần trước do thiếu nhu cầu mới. Gạo 5% tấm tiếp tục đứng ở mức cao 370 – 380 USD/tấn, FOB cảng Sài Gòn; gạo 25% tấm ở mức 360 – 365 USD/tấn. Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đã giảm nhẹ sau khi chạm mức cao 9 tháng vào tháng 10/2015 nhờ trúng thầu cung cấp 450.000 tấn gạo cho Phi-lip-pin và 1 triệu tấn gạo In-đô-nê-xia, cùng với khả năng Phi-lip-pin sẽ nhập khẩu thêm gạo.

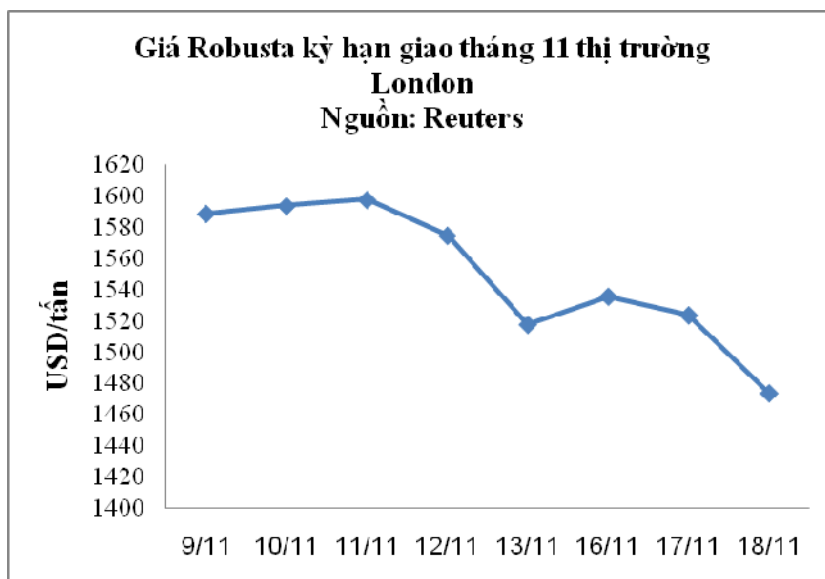
Thị trường đang mong đợi vụ Đông Xuân 2015-2016 tại ĐBSCL trong bối cảnh thời tiết khô hạn kéo dài do tác động của El Nino. Mực nước tại các sông ở vùng Đồng bằng đang ở mức thấp nhất kể từ năm 1926, tình trạng nhiễm mặn nghiêm trọng có thể xuất hiện trong các tháng tới.



CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động giảm mạnh trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta giao ngay tháng 11 giảm 44 USD/tấn xuống mức 1.474 USD/tấn. Giá cà phê giảm do lực bán ra tăng mạnh.



Trong báo cáo tháng 10, Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO) đã nâng sản lượng cà phê niên vụ 2014/15 lên 143,3 triệu bao từ 141,7 triệu bao dự đoán trước đó, chủ yếu do sản lượng cà phê của Colombia tăng. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng nên cộng thêm 4-5 triệu bao vào con số dự đoán của Tổ chức này. Do vậy, với mức tiêu thụ cà phê toàn cầu gần 150 triệu bao, lượng thiếu hụt từ vụ trước không đáng kể và được bù đắp bằng lượng lớn cà phê lưu kho.

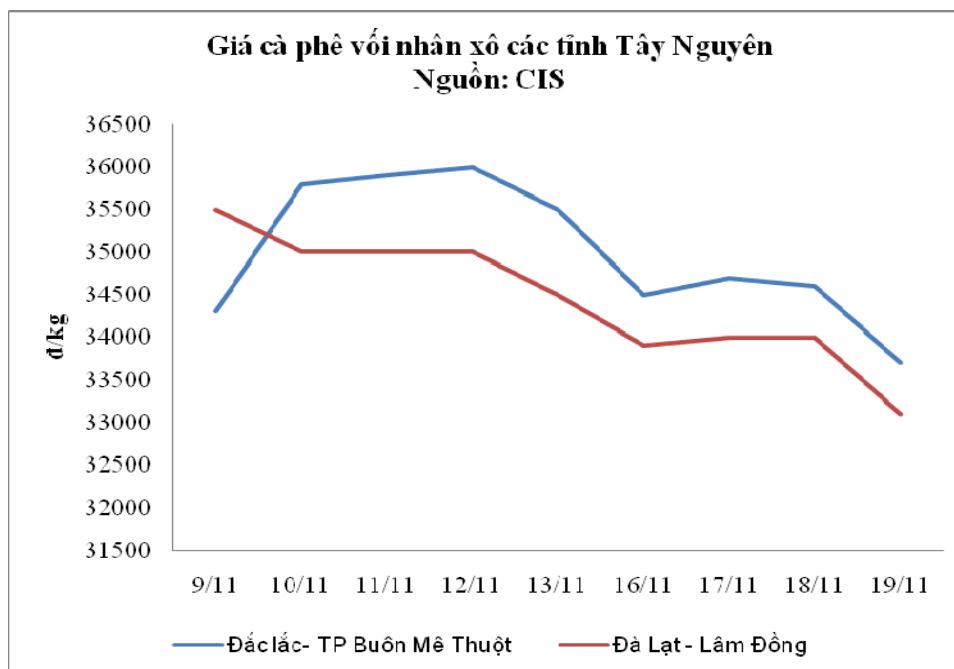
Brazil - nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, đã xuất khẩu được 29,8 triệu bao cà phê trong 10 tháng đầu năm 2015, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Hiệp hội xuất khẩu cà phê Brazil (CeCafe), doanh thu từ xuất khẩu cà phê của nước này đã giảm 4,4% xuống 5,08 tỷ USD do giá cà phê bị sụt giảm. Bất chấp sự thiếu hụt trong 10 tháng đầu năm này, CeCafe vẫn kỳ vọng xuất khẩu cà phê trong cả năm 2015 sẽ vượt qua mức 36 triệu bao, trùng với lượng xuất khẩu đạt được trong năm trước. Xuất khẩu cà phê năm 2015 của Brazil ước đạt 36,2 triệu bao, thu về 6,35 tỷ USD. Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu cà phê chủ yếu của Brazil, với lượng nhập khẩu 6,3 triệu bao trong 10 tháng đầu năm, tăng 21%, theo sau là Đức với lượng nhập khẩu tăng 18%.

Trong Hội thảo Sintercafe thường niên tại Costa Rica, Tổ chức Olam International đã đưa ra dự báo sản lượng cà phê của Brazil niên vụ 2015/16 đạt 60-62 triệu bao, đồng thời cũng lưu ý rằng nhu cầu tiêu thụ toàn cầu cũng tăng, do vậy, sẽ không gây ra tình trạng thừa cung toàn cầu. Khác với dự đoán của Olam, Ngân hàng Rabobank lại dự đoán sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2015/16 chỉ đạt 58 triệu bao, nhưng vẫn đóng góp vào tình trạng thừa cung toàn cầu trong niên vụ 2016/17 khoảng 3,7 triệu bao. Dự đoán này trái ngược với đánh giá cho rằng thị trường toàn cầu niên vụ tháng 10/2015 - tháng 9/2016 sẽ thiếu hụt 2,7 triệu bao.

CÀ PHÊ



Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động giảm mạnh cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm tới 1.400 – 1.800 đ/kg xuống còn 33.100 – 33.700 đ/kg. Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB giảm 102 USD/tấn xuống 1.567 USD/tấn.



Vụ thu hoạch cà phê mới tại Việt Nam đang dần vào thời kỳ cao điểm, nhưng tốc độ thu hoạch vẫn chậm do có mưa trong tháng qua và giá tham chiếu Robusta trên sàn London thấp. Tốc độ thu hoạch sẽ tăng mạnh vào tháng 12, làm tăng đáng kể lượng cà phê vụ mới đưa về các kho chứa cà phê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này dự kiến làm tăng áp lực bán ra trên thị trường nội địa vào cuối tháng 12. Thời điểm đầu năm 2016 cũng là thời điểm nông dân xả bán hàng lưu kho để có thêm tiền sắm sửa cho lễ Tết.

Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam khuyến cáo các doanh nghiệp, nông hộ sản xuất kinh doanh cà phê, nhất là ở các tỉnh Tây Nguyên, vùng sản xuất cà phê trọng điểm của cả nước không nên trộn lẫn cà phê nhân của niên vụ trước với niên vụ này để xuất bán, để làm ảnh hưởng đến chất lượng, thương hiệu cà phê của Việt Nam và của vùng Tây Nguyên.

Ngay từ đầu năm giá cà phê nhân còn ở mức từ 40.000 - 41.000 đ/kg sau đó càng về cuối vụ, giá cà phê nhân càng giảm xuống sâu, chỉ còn 35.400- 35.800 đ/kg nên các doanh nghiệp, nông hộ càng găm hàng, khiến lượng cà phê cũ tồn dư khá lớn. Trong khi đó, các tỉnh Tây Nguyên đã bắt đầu bước vào mùa thu hoạch cà phê niên vụ 2015-2016. Để bảo đảm chữ “tín” với khách hàng trong, ngoài nước, các doanh nghiệp, các nông hộ cần để riêng sản phẩm cà phê nhân của từng niên vụ xuất bán. Thực tế, khi trộn lẫn cà phê niên vụ cũ với cà phê niên vụ mới khiến màu sắc cà phê không đồng đều, hương vị đặc trưng không đồng nhất, ảnh hưởng đến chất lượng cà phê.

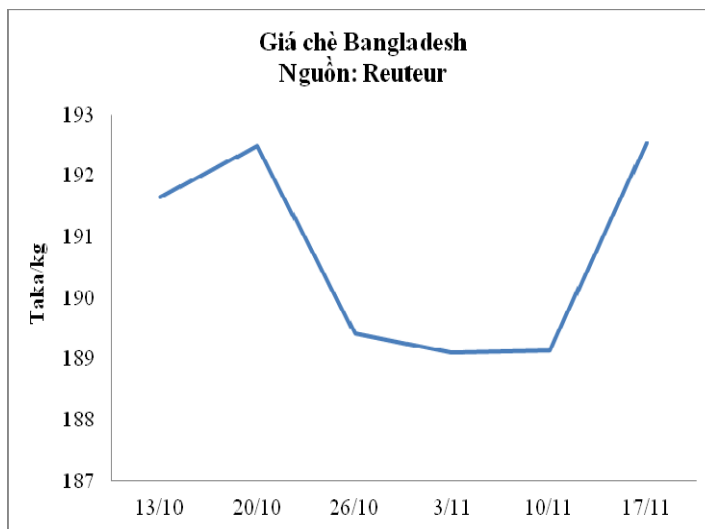
CHÈ



Thị trường thế giới: Giá chè tại Bangladesh tăng trở lại trong phiên dịch hàng tuần hôm 17/11 do sự sụt giảm về cung cùng với nhu cầu cao cho mùa đông. Tại phiên đấu giá thứ 27 của mùa kinh doanh hiện tại, giá chè Bangladesh ở mức trung bình 192,54 taka/kg (tương đương 2,44 USD/kg, tăng so với mức 189,11 taka/kg tại phiên đấu giá trước đó (ngày 10/11). Tại trung tâm đấu giá duy nhất Chittagong có khoảng 2,03 triệu kg đã được chào bán, trong đó có 13,76% chưa được bán, trong khi đó con số này của phiên đấu giá trước là khoảng 6,5% trong số 2,14 triệu kg chưa được bán. Nhu cầu mạnh mẽ do người mua muốn tích trữ cho mùa đông trong bối cảnh lượng cung thấp hơn tại phiên đấu giá đã giúp đẩy giá đi lên. Tuy nhiên, lượng tiêu thụ giảm do lượng cung chè chất lượng thấp nhiều hơn. Ở Bangladesh, nhu cầu đối với chè thường tăng vào mùa đông.

Giá chè Best Broke Pekoe Ones (BP1s) TEABP1-BEST-KE hạng nhất Kenya trong phiên đấu giá tuần này ở Mombasa đạt mức 3,28- 4,40 USD/kg, so với 3,37 - 4,94USD/kg của phiên đấu giá tuần trước. Giá chè Best Brighter Pekoe Fanning Ones (PF1s) TEAPF1-BEST-KE tuần này đạt mức 3,70 - 4,08 USD/kg, so với 3,56 - 3,70 USD/kg tuần trước.

Hai công ty sản xuất và chế biến chè của Kenya là Williamson Tea WTK.NR và Kapchorua Tea KAPC.NR cho biết lợi nhuận trước thuế của họ trong sáu tháng tính đến 30/9/2015 đã tăng hơn gấp đôi. Đồng Shilling yếu so với đồng tiền giao dịch và việc thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ đã làm tăng giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, hai công ty này cho biết giá chè có thể giảm trong 6 tháng tiếp theo của năm tài chính với dự báo về một vụ thu hoạch lớn hơn. Sự bắt đầu của mùa mưa ngắn thường diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho mùa màng trong những tháng tới.

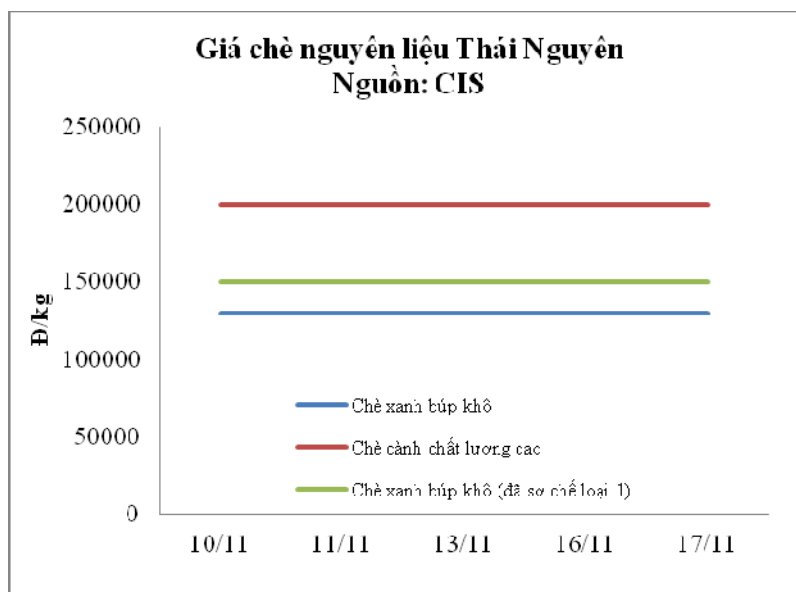


Ủy ban Chè quốc gia Ấn Độ cho biết sản lượng chè của Ấn Độ trong tháng 9/2015 đã giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước xuống 148,81 triệu kg do điều kiện thời tiết bất lợi ảnh hưởng tới khu vực đông bắc trọng điểm. Sản lượng chè ở Tây Bengal giảm 13,5% so với một năm trước xuống 39,24 triệu kg, trong khi sản lượng ở miền nam Ấn Độ giảm 7,33% xuống 18,34 triệu kg. Ấn Độ, nước sản xuất chè lớn thứ hai trên thế giới, xuất khẩu chè CTC chủ yếu sang Ai Cập, Pakistan và Anh, và các loại chè truyền thống sang I-rắc, I-ran và Nga.

CHÈ



Thị trường trong nước: Tuần này giá chè nguyên liệu tại Thái Nguyên tiếp tục ổn định so với tuần trước và trong vài tháng qua. Cụ thể, giá chè xanh búp khô giữ ở mức 130.000đ/kg, giá chè cành chất lượng cao vẫn giữ ở mức giá cao là 200.000đ/kg. Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu sản xuất trà xanh loại 1 ổn định ở mức 9.000 đ/kg, trong khi chè nguyên liệu sản xuất trà đen loại 1 cũng ổn định mức 4.500 đ/kg.



N.V.A

MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 12 giảm 12,7 USD/tấn xuống 390,8 USD/tấn. Giá đường giảm do thông tin Ấn Độ sẽ trợ giá cho nông dân trồng mía đường, động thái này dự kiến làm tăng lượng đường xuất khẩu của quốc gia sản xuất đường lớn thứ 2 trên thế giới. Ấn Độ muốn thúc đẩy xuất khẩu đường do lượng đường tồn kho hiện đang ở mức cao.

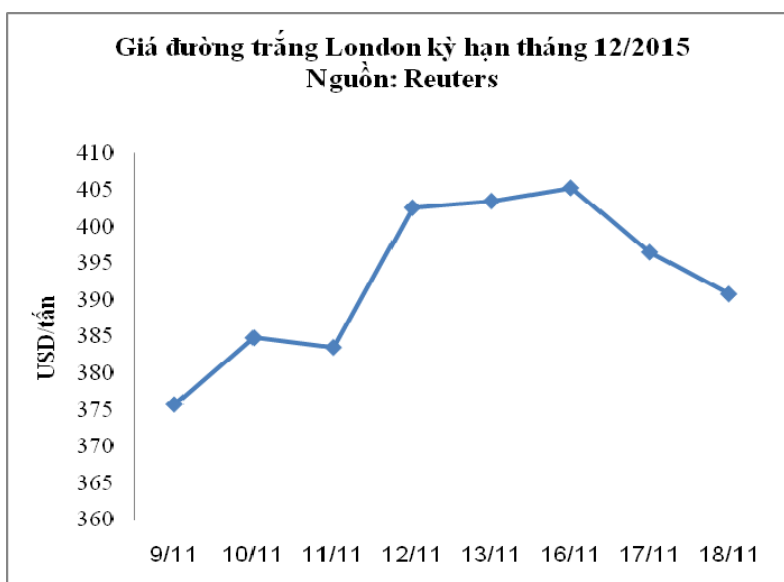
Bangladesh đã tăng thuế nhập khẩu đường thô và tinh chế, nhằm ngăn chặn hoạt động mua vào từ nước ngoài trong bối cảnh giá giảm mạnh do nguồn cung dồi dào. Thuế nhập khẩu đường thô đã tăng lên khoảng 7.000 taka (90 USD)/tấn từ 2.000 taka trước đây. Thuế nhập khẩu đường tinh luyện tăng từ 4.500 taka lên gần 10.500 taka (135 USD)/tấn.

Bangladesh phụ thuộc vào đường thô nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu hàng năm là 1,4-1,5 triệu tấn đường tinh luyện. Nhà máy tinh luyện đường tư nhân hầu hết nhập khẩu đường thô từ Brazil, Ấn Độ và Thái Lan và xuất khẩu đường tinh luyện sang Đông Phi và Trung Đông.

Thị trường trong nước: Theo công bố giá niên vụ mía 2015-2016 của Công ty cổ phần đường Biên Hòa và Công ty cổ phần mía đường La Ngà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giá thu mua mía tại ruộng loại 10 chữ đường từ 940.000 đến 950.000 đồng/tấn. Nếu tính thêm các khoản trợ giá khác, giá mía tại bàn cân của các nhà máy chế biến đạt gần 1,1 triệu đồng/tấn, cao hơn niên vụ trước 100.000 đồng/tấn.

Năm nay do không có lũ nên nông dân trồng mía ở tỉnh Hậu Giang không bị áp lực phải thu hoạch sớm. Nhờ vậy cây mía chín nên trữ đường khá cao, bên cạnh đó, giá mía đang ở mức từ 1.000 - 1.200 đ/kg, cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Niên vụ mía năm 2015-2016 này nông dân tỉnh Trà Vinh đã trồng được hơn 4.430 ha, tập trung chủ yếu ở 2 huyện Trà Cú và Tiểu Cần. Khởi đầu vụ mía khá thuận lợi từ giá cả đến chất lượng và năng suất. Qua khảo sát vụ mía năm nay, năng suất cây mía có thể đạt bình quân từ 100 đến 120 tấn/ha; các hộ sử dụng giống mía mới đạt từ 140 tấn đến 170 tấn/ha. Đặc biệt là ngay từ đầu vụ mía năm nay, giá mía đứng ở mức cao 1.030.000 đồng/tấn mía nguyên liệu, cao hơn hẳn so với các vụ mía năm trước.



HẠT ĐIỀU



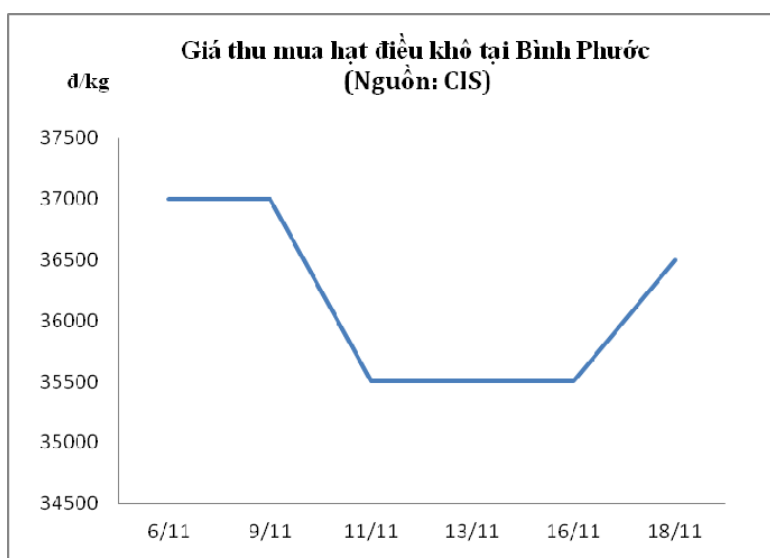
Thị trường thế giới: Trong 2-3 tuần qua, thị trường điều thô quốc tế diễn ra bình thường, nhu cầu nhập khẩu chủ yếu tập trung ở điều Indonesia và Đông Phi (Tanzania,...). Điều thô Tanzania vụ 2015/2016 hiện đang được chào bán cho chất lượng 52 – 53 Lbs/80kg, số hạt 180-190 hạt với giá bán 1.550 - 1.600 USD/ Mt C&F Tp. HCM - mức giá này được đánh giá là khá tốt so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam mua bán điều từ Tanzania cũng nên cần trọng trong lựa chọn đối tác và truy xuất nguồn gốc cũng như vấn đề vận chuyển hàng.

Hiệp hội Ngành điều Mô-dăm-bích cho biết các công ty chế biến hạt điều của nước này sẽ chế biến 41.500 tấn hạt điều vào cuối năm nay, tăng 66% so với 25.000 tấn được chế biến trong năm 2014. Năm nay, ngành điều Mô-dăm-bích cũng sẽ khởi động việc chế biến vỏ hạt điều để trích xuất dầu, vốn được xem là một bước quan trọng trong sự phát triển tích hợp của ngành điều Mô-dăm-bích.

Ngành công nghiệp hạt điều ở Mô-dăm-bích hiện có hơn 12.000 công nhân, con số này dự kiến sẽ tăng trong tương lai gần với việc có thêm nhiều nhà máy chế biến hạt điều đi vào hoạt động. Hiện tại có 14 nhà máy chế biến hạt điều đang hoạt động tại Mô-dăm-bích, chủ yếu tại tỉnh Nampula, nhà sản xuất lớn nhất của đất nước, với hơn 14 triệu cây điều. Mục tiêu cho năm 2015/2016 của nước này là bán 100.000 tấn điều, so với 80.000 tấn của năm trước.

Thị trường trong nước: Tuần này giá thu mua hạt điều khô tại Bình Phước tăng 1.000 đ/kg so với tuần trước lên mức 36.500 đ/kg.

Thị trường điều thô trong nước của Việt Nam càng về cuối năm diễn ra càng sôi động hơn khi các cơ sở làm điều rang muối vỏ, điều rang củi tập trung sản xuất hàng cho dịp Tết để cung cấp cho thị trường phía Bắc. Dịp Tết 2015 sản lượng tiêu thụ tăng 200% so với năm 2014. Được biết, nguyên liệu dùng để sản xuất ra loại hàng rang muối vỏ chủ yếu là chất lượng cao xuất xứ Bình Phước hoặc hàng nhập khẩu tuyển chọn; nguyên liệu điều nhập khẩu, đặc biệt hàng Nigeria chất lượng thấp không sản xuất được loại hàng này.



Do nhu cầu của khách Trung Quốc đang tăng cao; nhiều khách Trung Quốc tập trung mua hàng sớm để tránh tình trạng xe hàng bị ùn ứ tại cửa khẩu vào dịp cuối năm (cao điểm của xuất hàng từ Việt Nam qua Trung Quốc). Vì vậy giá bán qua thị trường Trung Quốc có xu hướng tăng nhẹ ở một số mã hàng và thương hiệu của nhà máy.

HẠT ĐIỀU



Tham khảo giá nhân điều XK từ Việt Nam cho thị trường Bắc Mỹ, EU, Úc

ĐVT: USD/Lb FOB, Tp. HCM

Mặt hàng	W240	W320	W450/SW/ LBW320	DW	WS/WB	LWP
Đơn giá	3,55-3,65	3,4-3,5	3,15-3,25	3,05-3,15	3,15-3,2	3,05-3,1

(Nguồn: Vinacas)



N.V.A

HẠT TIÊU



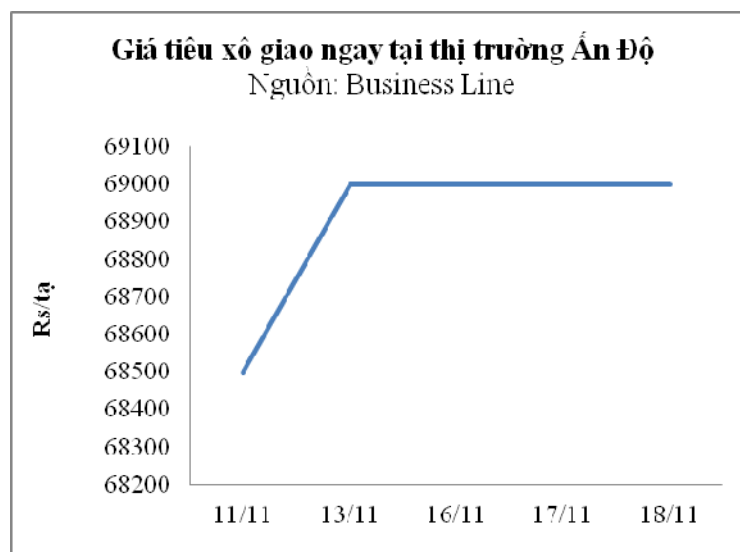
Thị trường thế giới: Tuần trước (09-13/11/2015) thị trường hạt tiêu thế giới không có biến động lớn. Tại Ấn Độ và Indonesia, giá hạt tiêu tăng nhẹ. Ở Việt Nam, giá tiêu đen nội địa cũng tăng nhẹ. Tuy nhiên, do sự suy yếu của đồng Việt Nam, giá nội địa cho hạt tiêu đen Việt Nam có sự chuyển dịch tương đối ổn định trong tuần.

Tại Ấn Độ, sau những ngày tạm lắng do kỳ lễ hội Diwali, thị trường hạt tiêu cuối năm đã sớm sôi động. Các thương nhân nội địa và các nhà xuất khẩu hàng đầu đã bắt đầu đẩy mạnh giao dịch trên khắp các thị trường trong nước vào giai đoạn thường có nhu cầu cao cho mùa đông và kỳ Tết năm mới sắp đến.

Hôm 17/11, các nhà xuất khẩu đã mua trực tiếp từ các đại lý 50 tấn tiêu đã qua sơ chế với giá 710 Rup/kg. Ngoài ra còn có 21 tấn tiêu đến từ các vùng đồng bằng Pulpally, Bathery và từ Dãy núi cao của huyện Wayanad trong Kerala được bán với giá 690 – 715 Rup/kg. Tiêu vùng Rajkumari (huyện Idukki, Kerala) cũng đã được báo cáo giao dịch ở mức 715 Rup/kg.

Giá tiêu giao ngay ở mức 69.000 Rs/tạ (tương đương 10.450 USD/tấn) cho loại tiêu xô và 72.000 Rs/tạ (tương đương 10.905 USD/tấn) cho loại đã qua sơ chế, tiếp tục tăng thêm 500 Rs/tạ so với tuần trước. Trên sàn của Hiệp hội Gia vị IPSTA, các hợp đồng kỳ hạn tháng 11 vẫn ổn định ở mức 72.000 Rup/tạ (tương đương 10.905 USD/tấn), trong khi hợp đồng giao tháng 12 tăng 1.000 Rs/tạ lên 73.000 Rs/tạ.

Giá tiêu MG1 đặc chủng Ấn Độ xuất khẩu đang ở mức 11.250 USD/tấn (c&f) giao châu Âu và 11.500 USD/tấn (c&f) đi Mỹ. Tiêu Indonesia và tiêu Việt Nam đã được chào bán ở mức 9.900 USD/tấn trong khi tiêu Brazil và tiêu Sri Lanka có giá 9.500 USD/tấn. Như vậy, hạt tiêu MG1 của Ấn Độ tiếp tục vẫn ở mức rất cao trong khi giá tiêu của các nhà sản xuất khác đều ở dưới mức 10.000 USD/tấn.



HẠT TIÊU

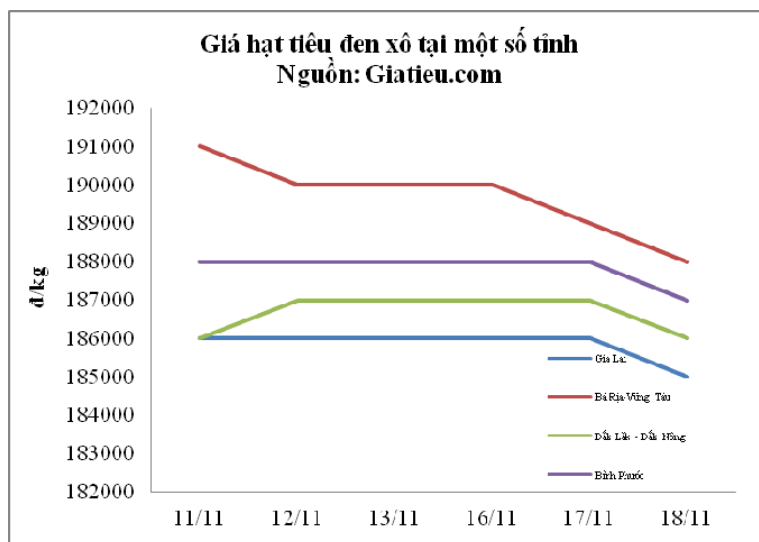


Thị trường trong nước: Giá thu mua tiêu đen xô nội địa tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, ngày 18/11 giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Bình Phước lần lượt ở mức 185.000 đ/kg, 188.000 đ/kg, 186.000 đ/kg, 187.000 đ/kg, trung bình giảm khoảng 2.000 đ/kg so với thời điểm cuối tuần trước.

Giữ vững ngôi vương trong suốt 14 năm về xuất khẩu hồ tiêu ra thế giới, đến nay sức nóng của hồ tiêu Việt Nam vẫn chưa hạ nhiệt khi diện tích trồng tiêu tiếp tục mở rộng. Điệp khúc “được mùa mất giá” thường xảy ra ở ngành cà phê, cao su... nhưng lại chưa bao giờ đúng đối với ngành tiêu. Điều này được minh chứng qua việc giá tiêu luôn trong xu hướng tăng và ở mức rất cao. Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, từ năm 2007 đến nay, giá hồ tiêu luôn giữ ổn định ở mức 180.000 - 200.000 đ/kg, thậm chí có thời điểm lên đến 220.000 đ/kg.

Hồ tiêu Việt Nam đã xuất khẩu đi 97 quốc gia và vùng lãnh thổ và luôn dẫn đầu thế giới về xuất khẩu. Chỉ riêng năm 2014, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 160.000 tấn, chiếm khoảng 58% thị trường hồ tiêu thế giới với giá trị trên 1,2 tỉ USD. Ấn Độ, Brazil và một số nước khác nắm giữ số thị phần còn lại. Có thể nói, hồ tiêu Việt Nam đang nắm quyền chi phối ngành hàng nông sản này trên toàn cầu.

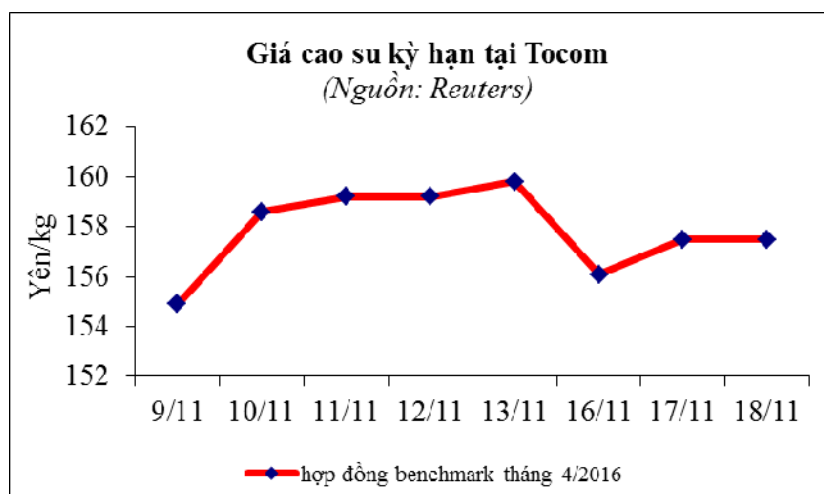
Tình hình cung cầu hồ tiêu thế giới năm nay không thay đổi lớn so với năm ngoái. Tổng cầu vẫn lớn hơn lượng cung. Các doanh nghiệp đều cho rằng hồ tiêu Việt Nam sẽ tiếp tục thống trị thị trường thế giới trong năm 2015 và khả năng vẫn còn tiếp tục giữ vững ngôi vị này trong 5 năm tới.





Thị trường thế giới: Giá cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo (Tocom) tuần qua tăng giảm thất thường, trong đó thị trường giảm mạnh vào phiên giao dịch 16/11 do giá dầu thế giới thiết lập mức đáy trong 8 tháng, sau đó đã hồi phục vào phiên tiếp theo do chứng khoán Tokyo và giá dầu cũng hồi phục. Kết thúc phiên giao dịch 16/11, giá cao su hợp đồng benchmark tháng 4/2016 giảm mạnh xuống 156,1 Yên/kg so với 159,8 Yên/kg phiên trước đó (12/11). Tuy nhiên, giá đóng cửa của phiên tiếp theo (17/11) là 157,5 Yên/kg khi các nhà đầu tư không muốn bán ra, thị trường chứng khoán Tokyo tăng điểm và giá dầu thế giới cũng thoát đáy. Mặc dù vậy, mức tăng bị hạn chế bởi tình trạng dư cung vẫn tiếp diễn và căng thẳng chính trị sau vụ tấn công Pa-ri hôm 13/11.

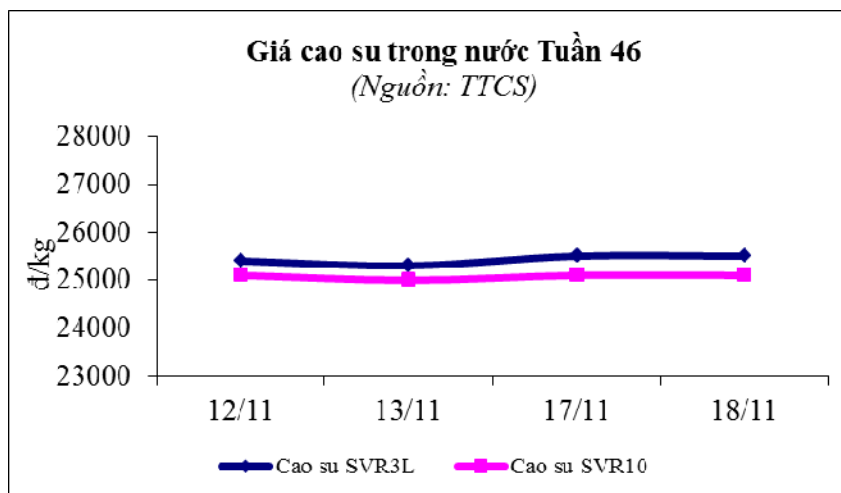
Một tập đoàn cao su lớn tại nước sản xuất lớn thứ hai thế giới cho biết sản lượng cao su In-đô-xê-xia dự kiến sẽ giảm vào năm 2016 do ảnh hưởng thời tiết El Nino và khói bụi từ cháy rừng. Tuy nhiên, sản lượng cao su năm 2015 không thay đổi, ở mức 3,2 triệu tấn. In-đô-xê-xia dự kiến sẽ đối mặt với điều kiện thời tiết khô do ảnh hưởng của El Nino có thể tăng cường từ tháng 9 đến tháng 12, trong khi đám cháy tại Sumatra và Kalimantan đã bao phủ phần lớn các khu vực Đông Nam Á.



Xuất khẩu cao su In-đô-xê-xia được dự báo giảm nhẹ, xuống còn 2,5 triệu tấn trong năm 2015, so với 2,6 triệu tấn năm 2014 do nhu cầu nội địa gia tăng.

Thị trường trong nước: Giá cao su nguyên liệu trong nước tuần qua đã giảm trở lại, với giá thu mua mủ 32 độ/kg tại Bình Phước giảm từ 7.040 đ/kg xuống còn 6.400 đ/kg. Giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh giảm trong ngày 13/11, sau đó hồi phục trở lại. Cụ thể: cao su SVR 3L giảm từ 25.400 đ/kg (12/11) xuống 25.300 đ/kg (13/11), sau đó tăng lên 25.500 đ/kg (18/11); cao su SVR10 giảm từ 25.100 đ/kg xuống 25.000 đ/kg, và hiện ở mức 25.100 đ/kg.

Trong tuần từ 09/11 – 13/11/2015, giá cao su Việt Nam xuất khẩu chào bán giảm một lần vào ngày 11/11 sau đó không đổi đến cuối tuần. Kết thúc tuần, giá SVR 3L xuất khẩu chào bán đạt 1.230 USD/tấn, giảm 30 USD/tấn (-2,4%) so với ngày đầu tuần và ngày cuối tuần trước đó (06/11). Từ ngày 01 – 13/11, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.267 USD/tấn, giảm 68 USD/tấn (-5,1%) so với mức trung bình trong tháng 10/2015, và giảm 313 USD/tấn (-19,8%) so với tháng 11/2014.



Hiện nay, các doanh nghiệp ngành cao su đang gặp vướng mắc về việc kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu kinh doanh thương mại đối với mặt hàng mủ cao su thiên nhiên sơ chế. Từ đầu năm 2014, Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) đã kiến nghị có chính sách cho doanh nghiệp ngành cao su không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng trong khâu kinh doanh, thương mại như những nông sản sơ chế khác, nhằm tăng tính cạnh tranh cho ngành cao su Việt Nam. Trong khi ngành cao su đã gặp nhiều khó khăn do giá giảm mạnh và thị trường tiêu thụ chậm thì chính sách thuế giá trị gia tăng vẫn còn gây khó khăn, làm doanh nghiệp hạn chế mở rộng kinh doanh và xuất khẩu.

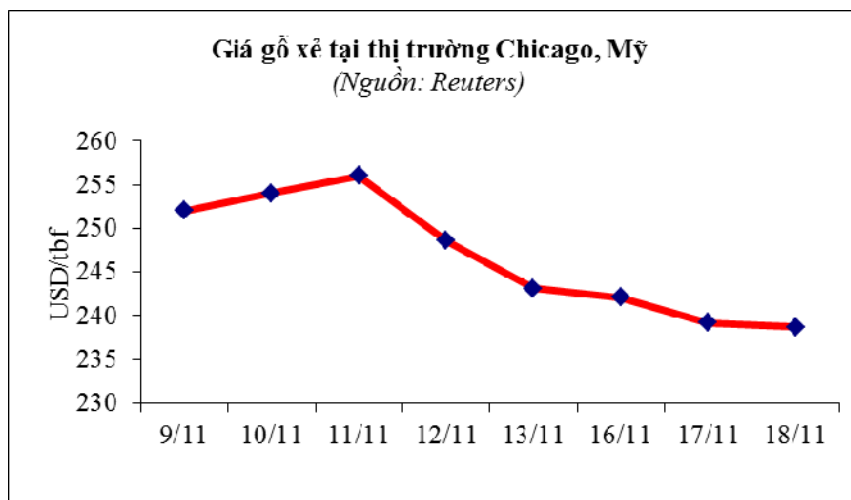
Khi Nhà nước áp dụng thuế xuất khẩu cao su từ 0% lên 3% đối với một số mặt hàng cao su thiên nhiên (gồm cao su ly tâm, crếp và cao su hỗn hợp) vào cuối năm 2011, giá cao su bắt đầu giảm mạnh, điều này đã gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, làm giảm tính đa dạng mặt hàng do mủ latex bị áp thuế 3% nên doanh nghiệp ngưng sản xuất vì bị lỗ. Ngoài ra, còn tạo sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài khu chế xuất do mức thuế suất khác nhau của mặt hàng cao su hỗn hợp: trong khu chế xuất thì được hưởng 0% và ngoài khu chế xuất thì lại là 3%.

N.L.A

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: Giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Chicago, Mỹ tuần qua biến động giảm liên tục qua các phiên giao dịch. Kết thúc phiên giao dịch 18/11, giá gỗ hợp đồng tháng 1/2016 đóng cửa ở mức 238,7 USD/tbf, giảm 4,4 USD/tbf so với phiên cuối tuần trước (13/11).



Chính phủ Ma-lai-xia đặt mục tiêu xuất khẩu gỗ năm nay bằng hoặc cao hơn giá trị xuất khẩu năm ngoái là 20 tỷ Ringit. Xuất khẩu gỗ năm 2014 chiếm gần 3% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của quốc gia. Dự báo xuất khẩu gỗ xẻ và đồ nội thất bằng gỗ cùng tăng lên do tỉ giá trao đổi ngoại tệ giúp sản phẩm gỗ của Ma-lai-xia rẻ hơn.

Chính phủ Ma-lai-xia đã chi 30 triệu USD cho dự án Trái tim Borneo, một cơ quan hợp tác xuyên biên giới giữa Ma-lai-xia, In-đô-nê-xia và Bru-nây nhằm bảo vệ ngành công nghiệp chế biến gỗ trong giai đoạn 2010 – 2015. Dự án này là một trong những sáng kiến của Chính phủ Ma-lai-xia nhằm cung cấp hành lang sinh thái quan trọng, hình thành môi trường rừng liên kết các khu rừng bị xáo động.

Hiện tại, hơn 54,6% hoặc 18,01 triệu ha diện tích của Ma-lai-xia vẫn được che phủ bởi rừng tự nhiên, với gần 14,5 triệu ha dành cho các khu rừng bảo tồn thường xuyên hoặc di sản rừng vĩnh cửu.

Thị trường trong nước: Theo dự báo, năm nay kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sẽ đạt con số 7 tỉ đô la Mỹ và dự kiến chạm mốc 10 tỉ đô la Mỹ vào năm 2020. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu sản phẩm gỗ phụ thuộc nhiều vào nguồn gỗ nhập khẩu do gỗ trồng trong nước chỉ làm được những sản phẩm cấp thấp, tiêu thụ nội địa và làm gỗ dăm.

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), tính đến năm 2013, cả nước có 3,2 triệu héc ta rừng trồng và mỗi năm sẽ đưa vào khai thác 250.000 héc ta, thu được 22 triệu mét khối gỗ. Nhưng do chất lượng gỗ trồng chưa cao nên chủ yếu dùng làm nguyên liệu sản xuất những sản phẩm tiêu thụ trong nước, chiếm 90%, còn lại là dùng để sản xuất làm dăm gỗ để xuất khẩu cho các nhà máy làm giấy. Mỗi năm Việt Nam sản xuất 3,5 triệu mét khối dăm gỗ, tương đương 7 triệu mét khối gỗ nguyên liệu, và nguồn nguyên liệu này là từ 100% gỗ rừng trồng trong nước. Gỗ dăm chủ yếu để xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Do phụ thuộc vào thị trường này, nên cũng có thời gian, thị trường này đột ngột ngưng mua khiến giá gỗ dăm giảm mạnh trong thời gian ngắn.

Trong những năm qua, kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam luôn tăng trưởng hai con số. Trong giai đoạn từ 2001 -2010, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân của ngành gỗ là hơn 27%/năm. Và với tốc độ tăng trưởng như vậy, để có đủ nguồn nguyên liệu trong điều kiện rừng trồng trong nước không đáp ứng được yêu cầu, doanh nghiệp phải nhập gỗ từ các nước trên thế giới. Hiện tại Việt Nam nhập khẩu gỗ từ 63 quốc gia khác nhau.

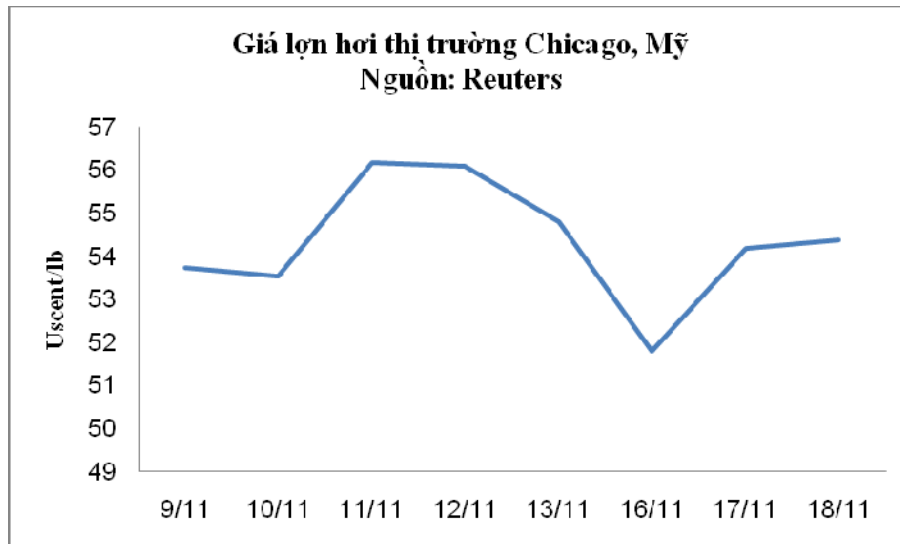
Theo số liệu thống kê ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 10/2015 đạt 47,9 triệu USD, trong đó nhóm mặt hàng đồ gỗ nội thất chiếm tỷ trọng cao nhất. Nguyên nhân là nhờ thị trường nhà ở tăng trưởng thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ nội thất tại thị trường Hàn Quốc. Tăng trưởng kinh tế hàng Quý của Trung Quốc cao nhất 5 năm qua, theo đó số liệu Quý 3/2015 đạt 1,2%, cao hơn mức dự báo 1,1% hồi tháng 7/2015. Đây là mức cao thứ hai, sau khi đạt 1,7% vào Quý 2/2010. Trong 9 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ nội thất của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 134,6 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, mặt hàng ghế khung gỗ chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 55,4 triệu USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2014. Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất dùng trong phòng khách, đạt 25,5 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2014.

N.L.A

THỊT



Thị trường thế giới: Giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ tuần qua giảm nhẹ. So với cuối tuần trước, giá giảm 0,425 UScent/lb xuống mức 54,375 UScent/lb. Giá thịt lợn có xu hướng giảm do một số nhà chế biến và đóng gói thịt lợn đã có đủ lượng hàng cho kỳ nghỉ lễ sắp tới.

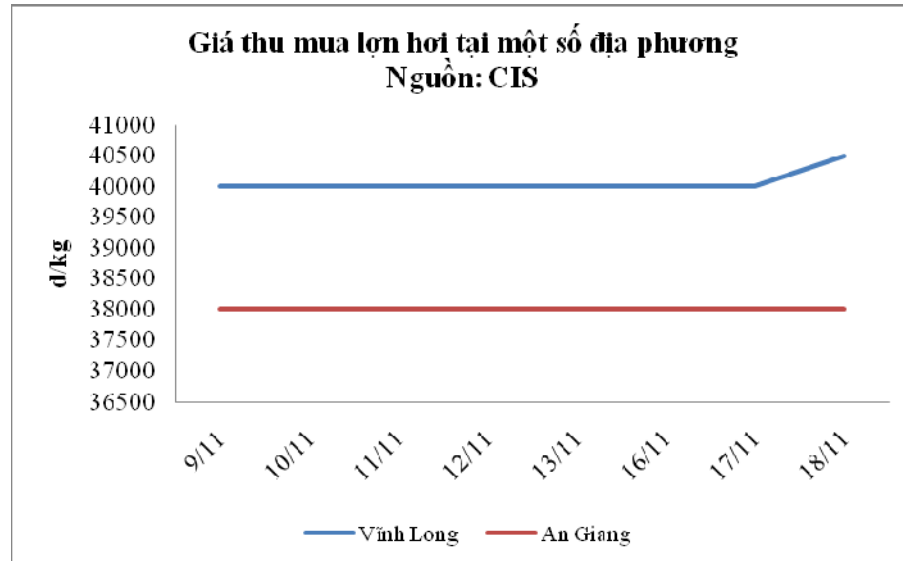


Theo Bộ Nông Nghiệp Mỹ, xuất khẩu thịt đỏ, gia cầm và các sản phẩm sữa của Mỹ trong quý 3 thấp hơn trong khi nhập khẩu các mặt hàng này lại cao hơn cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này giảm thấp trong quý 3 do tỷ giá đồng USD Mỹ so với các đồng tiền khác tiếp tục tăng cao. Kim ngạch xuất khẩu thịt đỏ thấp hơn 20%, các sản phẩm sữa thấp hơn 25%, gia cầm thấp hơn 22% và trứng thấp hơn 26% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá thịt bò Mỹ tại thị trường nội địa duy trì ở mức cao do nguồn cung thấp hơn, điều này đã hạn chế xuất khẩu và khuyến khích nhập khẩu mặt hàng này. Đối với các sản phẩm gia cầm và trứng, hạn chế thương mại do cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) cũng là nguyên nhân chính làm kim ngạch xuất khẩu thấp hơn.

Thị trường trong nước: Hiện nay, giá lợn hơi trên địa bàn tỉnh An Giang được các thương lái thu mua với giá 38.000 đ/kg, giá lợn hơi ở Vĩnh Long là 40.500 đ/kg. Giá lợn hơi thời gian qua ở mức thấp do ảnh hưởng từ việc một số trang trại chăn nuôi lợn trong nước sử dụng chất cấm để tạo nạc nên người tiêu dùng e ngại khi sử dụng thịt lợn. Bên cạnh đó, các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long hiện đang vào mùa nước nổi, cá đồng và nhiều loại thủy sản khác được bày bán nhiều tại các chợ cũng là nguyên nhân khiến mặt hàng này tiêu thụ chậm, ảnh hưởng đến giá cả. Dự báo, thời điểm cận Tết Nguyên đán, giá lợn hơi sẽ tăng trở lại.

THỊT



Tuần qua, giá gà thịt tại trại ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long có xu hướng giảm với mức giảm 4.000 – 4.500 đ/kg, hiện dao động từ 19.500 – 20.500 đ/kg. Hiện tại, gà Mỹ và nhiều sản phẩm nhập khẩu vào Việt Nam với giá rẻ tiếp tục ảnh hưởng đến giá gà trong nước.

Theo nội dung công bố chi tiết cam kết của một số nước thành viên TPP như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada... thuế nhập nhiều mặt hàng thịt bò, gà, sữa vào Việt Nam sẽ giảm về 0% sau 3 - 8 năm. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, các nhà xuất khẩu nông sản nước này đang đứng trước cơ hội lớn để tăng xuất khẩu nông sản và thực phẩm chế biến sang các nước khác, đặc biệt là với thị trường Việt Nam (VN).

Năm 2014, Mỹ xuất thịt bò vào thị trường VN với kim ngạch khoảng 22,1 triệu USD, khi TPP có hiệu lực con số này dự báo sẽ tăng mạnh do thuế nhập mặt hàng này hiện ở mức 34% sẽ giảm về 0% trong thời gian từ 3 - 8 năm. Mặt hàng thịt bò tươi và bò đông lạnh từ Canada vào thị trường VN từ thuế 31% hiện nay cũng được dỡ bỏ sau hai năm khi TPP có hiệu lực.

Về mặt hàng thịt lợn, VN sẽ bỏ thuế đối với thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn của Mỹ trong vòng 5 - 10 năm, so với mức chịu thuế hiện tại cao nhất là 30%. Thịt lợn tẻ và thịt vai đông lạnh, thịt lợn vai tươi, lợn nguyên con tươi, đông lạnh cũng được bỏ thuế trong vòng 8 - 10 năm.

Thuế quan đối với gia cầm và thịt gia cầm nhập từ Hoa Kỳ vào VN hiện tại cao nhất là 40%, sẽ được bỏ trong vòng 13 năm, trong đó thuế quan đối với thịt gà tẻ và những phần cắt bỏ như đầu, chân, lòng... sẽ được bỏ trong vòng 11 năm...

THỦY SẢN



Thị trường thế giới: Giá tôm Argentina có thể đảo chiều đi lên nhờ nhu cầu tăng từ Trung Quốc – một thị trường nhập khẩu lớn của tôm Argentina. Một nhà xuất khẩu tôm lớn của Argentina cho biết, năm nay, Trung Quốc bắt đầu mua muộn hơn năm ngoái, tuy nhiên từ một tháng trước đây đã xuất hiện nhiều hợp đồng hơn từ thị trường này và hiện Trung Quốc đang mua tôm với khối lượng lớn. Giá xuất khẩu tôm Argentina năm nay giảm mạnh 0,8 USD/kg – 1 USD/kg so với năm ngoái, tuy nhiên do nhu cầu từ Trung Quốc tăng nên giá tôm Argentina được kỳ vọng sẽ đi lên. Giá thấp là do sản lượng khai thác tính tới thời điểm hiện tại trong năm đạt khá khoảng 92.000 tấn so với 86.000 tấn của cùng kỳ năm trước đó. Nguồn dự trữ ở Tây Ban Nha và Italy vẫn ổn định kể từ tháng 12/2014 đến nay cũng là yếu tố tác động tới giá tôm.

Giá tôm Ecuador giảm 30% do nguồn cung tôm thế giới tăng khi một số nước sản xuất tôm ở châu Á phục hồi sản lượng sau dịch EMS. Ngành tôm Ecuador dự đoán giá sẽ không thể phục hồi nhanh. Giám đốc phòng nuôi trồng thủy sản quốc gia Ecuador cho biết, ngành tôm nước này sẽ phải tăng sản lượng ít nhất 15% để duy trì doanh thu xuất khẩu đạt được trong năm 2014. Để tăng sản lượng, một số doanh nghiệp nuôi tôm lớn đã tăng mật độ thả nuôi, tuy nhiên điều này làm tăng chi phí đầu vào, đặc biệt là giá thức ăn nuôi tôm đang tăng. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp nuôi nhỏ đã giảm mật độ thả nuôi để tôm có thể ăn thức ăn tự nhiên trong ao. Theo ngân hàng TW Ecuador (BCE), 7 tháng đầu năm 2015, ngành tôm đã xuất khẩu được 197.000 tấn, trị giá 1,3 tỷ USD so với 169.000 tấn, trị giá 1,5 tỷ USD của cùng kỳ năm 2014. Xuất khẩu tôm Ecuador bị ảnh hưởng bởi sự đóng cửa của thị trường Brazil năm 2009 và thị trường Mexico đóng cửa năm 2015. Cả 2 nước này đều lo ngại rằng họ có thể nhập khẩu tôm bị nhiễm bệnh từ Ecuador. Tôm là sản phẩm xuất khẩu lớn thứ hai của Ecuador sau chuối. Các thị trường tiêu thụ chính bao gồm Mỹ, EU, châu Á và Mỹ Latinh. Phòng Nuôi trồng thủy sản quốc gia dự báo giá trị xuất khẩu tôm của Ecuador có thể giảm 5% năm nay.

Cá hồi đang dần thay thế cá ngừ để trở thành sản phẩm cá yêu thích của người tiêu dùng Anh. Theo một báo cáo của tạp chí thương mại *The Grocer*, tổng doanh số bán cá tươi đã tăng 3,6% lên 1,68 tỷ £ trong 52 tuần tính đến ngày 17/8 với doanh số cá hồi đang dẫn đầu. Đặc biệt, nhu cầu tăng cao đối với cá hồi hun khói đã dẫn đến sự tăng trưởng 6% về giá trị và 4,5% về khối lượng đối với cá hun khói ướp lạnh. Tiêu thụ cá hồi tự nhiên cũng tăng nhanh hơn đáng kể với thị trường mở rộng hơn, với giá trị tăng 3% và khối lượng tăng 9%. Dự kiến khối lượng tiêu thụ cá hồi sẽ vượt qua cá ngừ vào cuối năm nay sau khi cá ngừ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi giá năng lượng và chi phí nguyên liệu tăng cao dẫn đến giá cá tăng, cũng như chiến dịch xóa bỏ tiêu cực trong hoạt động khai thác thủy sản do tổ chức Greenpeace dẫn đầu. Trong khi đó, cá hồi được cho là loài khỏe mạnh và bền vững hơn, lượng giao dịch mua bán tăng lên làm cho sản phẩm này có giá cả phải chăng hơn. Hơn 60% phần trăm sản phẩm cá hồi được bán dưới dạng tự nhiên hoặc hun khói với nhiều chương trình khuyến mại lớn trong năm qua. Anh hiện là thị trường tăng trưởng lớn nhất về tiêu thụ cá hồi của châu Âu.

THỦY SẢN



Tham khảo giá một số mặt hàng thủy sản tại thị trường New York - Mỹ, tuần đến ngày 13/11/2015, USD/pao (1 pao ~ 453 g); nguồn: *Aquafind.com*

Cá nục heo Peru							
File, còn da			Cắt miếng				
3 - 5 pao	3,55	≥ 7 pao	3,85	4 oz	4,50 (-0,15)	6 oz	-
Bạch tuộc Tây Ban Nha							
2 - 4 pao		3,00		6 - 8 pao		4,00	
Cá vược Chile							
File, còn da			Cắt miếng				
4 - 6 kg		13,50 (+0,15)		6 oz		17,50	
8 - 10 kg		-		10 oz		17,50	
Cá rô phi Trung Quốc (File)							
3 - 5 pao		2,00 (+0,05)		7 - 9 pao		2,45	
5 - 7 pao		2,20		9 - 11 pao		2,75	
Vẹm New Zealand							
Cỡ trung bình		2,80					
Mực ống Trung Quốc							
3-5 inch		1,55 (- 0,1)					
5-8 inch		2,35 (+ 0,05)					
Tôm vỏ bỏ đầu (HLSO) đông lạnh							
Xuất xứ	Kích cỡ	Giá	Xuất xứ	Kích cỡ	Giá		
Tôm sú Ấn Độ	16/20	6,00	Tôm thẻ chân trắng Trung Quốc, IQF (xẻ lưng)	16/20	5,25		
	21/25	5,15		21/25	4,50 (+0,05)		
	26/30	4,80		26/30	4,25		
Tôm sú Việt Nam	U - 15	8,0	Tôm thẻ chân trắng nuôi Ecuador	41/50	3,75 (+0,05)		
	21/25	5,00		51/60	3,60 (+0,05)		
Tôm thẻ chân trắng nuôi Indonesia	16/20	5,20 (-0,05)	Tôm thẻ chân trắng nuôi Thái Lan	21/25	4,30 (+0,05)		
	21/25	4,25		26/30	4,00		
	26/30	4,00		31/35	3,90(-0,05)		
Tôm sú Indonesia	21/25	4,95	Tôm sú Thái Lan	21/25	4,95		
	26/30	4,85		26/30	4,85		

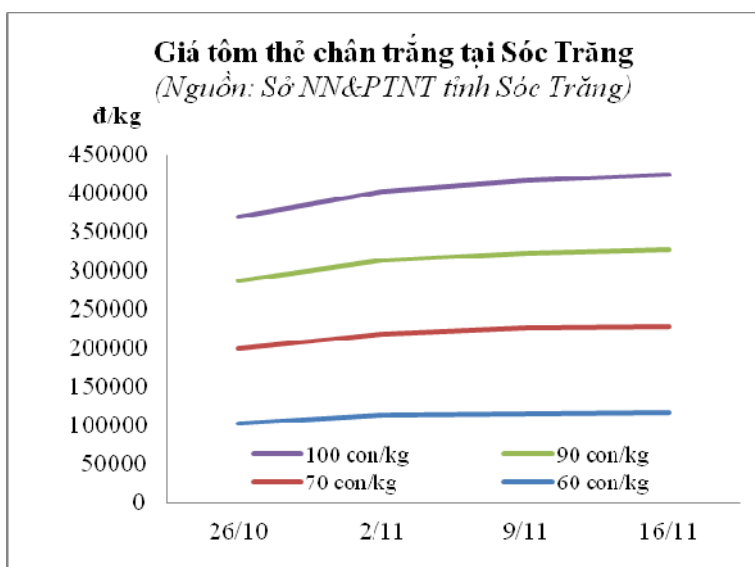
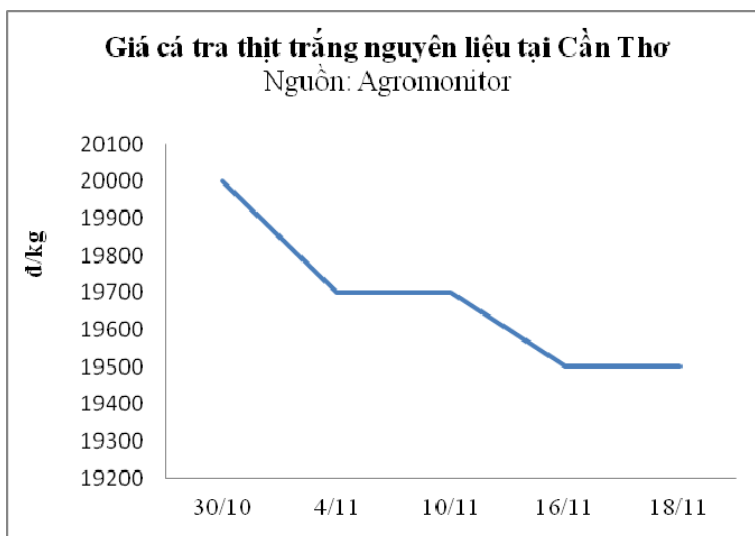


Thị trường trong nước: Tại các tỉnh ĐBSCL, thị trường cá tra nguyên liệu vẫn trầm lắng. Tại Cần Thơ, giá thu mua cá tra nguyên liệu trong size tuần này đã giảm xuống mức 19.000-19.500 đ/kg (trả chậm). Tại Đồng Tháp, giá thu mua cá tra nguyên liệu trong size 600-700gr/con ổn định ở mức 19.500-19.700 đ/kg. Tại An Giang, giá cá tra nguyên liệu cũng ở mức thấp 18.000-19.500 đ/kg.

Tại Sóc Trăng, giá tôm thẻ nguyên liệu tiếp tục tăng 1.000-3.000 đ/kg so với cuối tuần trước, tuy nhiên nguồn cung hạn chế. Cụ thể, tôm thẻ loại 50 con/kg giá 121.000 đ/kg (+1.000 đ/kg), 70 con/kg giá 111.000 đ/kg (+1.000 đ/kg), loại 80 con/kg giá 106.000 đ/kg (+1.000 đ/kg), loại 100 con/kg giá 96.000 đ/kg (+3.000 đ/kg). Giá tôm sú nguyên liệu các cỡ 20, 30 và 40 con/kg ổn định lần lượt ở mức 235.000 đ/kg, 165.000 đ/kg, 120.000 đ/kg.

Tại Bạc Liêu, giá tôm sú nguyên liệu giảm mạnh so với những tháng đầu năm 2015 với mức giảm trung bình khoảng 50.000 đồng/kg. Hiện tôm nguyên liệu loại 40 con/kg, giá từ 133.000 - 153.000 đồng/kg, loại 30 con/kg có giá từ 166.000 - 180.000 đồng/kg. Cùng với giá tôm xuống thấp, thời tiết nắng nóng kéo dài, mưa thất thường làm cho môi trường ao nuôi thay đổi đột ngột gây chết tôm. Trong tuần, đã có gần 330 ha tôm nuôi bị thiệt hại, nâng tổng diện tích tôm nuôi bị thiệt hại đến nay hơn 18.980 ha, trong đó, diện tích tôm nuôi công nghiệp - bán công nghiệp chiếm trên 5.690 ha.

Giá cá rô phi nguyên liệu cỡ 350-750 gr/con tuần này ổn định ở mức 32.500 đ/kg sau khi tăng trong tuần trước.



RAU QUẢ



Thị trường trong nước: Tại Đồng Nai, khoảng 1 tháng nữa bưởi Tân Triều mới chính thức bước vào mùa thu hoạch chính. Tuy nhiên, các nhà vườn tại đây lại đang rất phấn khởi vì bưởi Tân Triều năm nay vừa được mùa lại vừa được giá do thời tiết thuận lợi và nhu cầu tăng cao chuẩn bị cho dịp Tết nguyên đán cuối năm. Hiện giá thu mua tại vườn của loại bưởi này là 50.000đ/quả. Dự báo từ nay cho đến thời điểm Tết nguyên đán, giá loại bưởi này tăng lên có thể đạt 60.000-80.000đ/quả.

Tại các tỉnh ĐBSCL, nếu cách đây 2 tháng giá sầu riêng cơm vàng hạt lép Ri6, sầu riêng Thái Lan (Monthong) loại 1 chỉ dao động quanh mức 30.000 - 38.000 đ/kg thì hiện tại đã tăng cao, lên mức 80.000 đồng/kg. Dù giá tăng cao nhưng nhiều gia đình vẫn quyết định không bán vội vì dự đoán giá còn có thể tăng cao nữa. Do đang là thời điểm nghịch vụ, sản lượng sầu riêng tương đối ít nên giá tăng cao. Hơn nữa, những ngày qua phía Trung Quốc cũng có nhu cầu tiêu thụ mạnh loại trái cây đặc sản này.

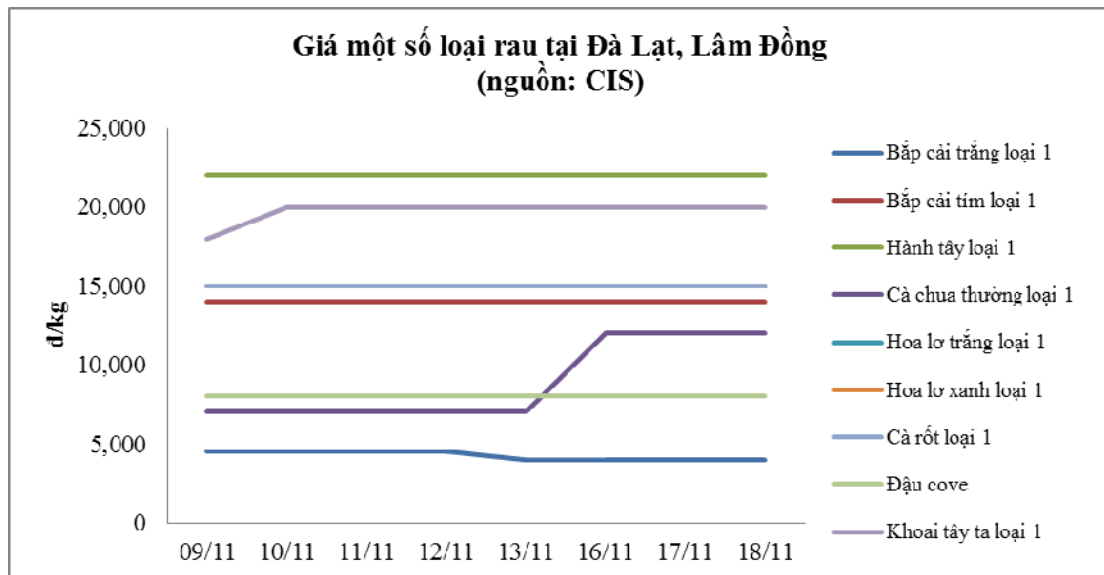
Thời gian gần đây, giá trái cây tại TP.HCM giảm mạnh do một số loại trái đang vào mùa thu hoạch rộ, ngoài ra trái cây Trung Quốc về chợ ngày càng nhiều. Cụ thể, cam sành từ 15.000 đồng/kg nay giảm xuống 12.000 đ/kg. Bưởi năm roi của miền Tây từ 22.000 đ/kg xuống 20.000 đ/kg, quýt tiêu từ 25.000 đ/kg xuống còn 20.000 đ/kg. Thanh long Bình Thuận từ 20.000 đồng/kg giảm 5000 đồng/kg, măng cầu tròn từ 33.000 đ/kg giảm còn 30.000 đ/kg. Dưa hấu dài cũng giảm từ 10.000 đ/kg còn 6.500 đ/kg. Chanh dây giảm 7.000 đ/kg, còn 10.000 đ/kg...

Cam Vinh là giống cam đặc sản của tỉnh Nghệ An, hiện đang vào thu hoạch chính vụ. Giá cam Vinh hiện dao động từ 30.000-50.000đ/kg tùy vào các loại khác nhau. Hiện nay có 4 loại cam Vinh chính: cam Xã Đoài, cam Sông Con, cam Vân Du và cam V2. Tuy nhiên, nhiều loại cam đang “đội lốt” cam Vinh để có thể có mức giá cao song chất lượng lại không bằng.

Tại thị trường Đà Lạt, nhìn chung một số loại rau giá khá ổn định trong tuần qua, ngoại trừ khoai tây và cà chua. Hiện nay, hai loại rau này được xem là khan hàng nên giá tương đối cao. Tuần qua, giá cà chua đã tăng thêm 5.000đ/kg lên mức giá là 12.000đ/kg, giá khoai tây tăng 2.000đ/kg lên mức giá 20.000đ/kg so với tuần trước.



RAU QUẢ



Tình hình xuất nhập khẩu: Theo Cục Bảo vệ thực vật, Bộ NN&PTNT, năm nay do thị trường Nhật Bản vừa mới mở cửa cho mặt hàng xoài Cát Chu của Việt Nam nên số lượng xuất khẩu chưa nhiều nhưng năm 2016 dự kiến sẽ có đột phá về xuất khẩu mặt hàng này. Hiện nay, xoài đang được xuất khẩu sang Nhật với giá khoảng 8-10 USD/kg, khá cạnh tranh khi thấp hơn giá xoài của Thái Lan khoảng 2-3 USD/kg. Xoài Việt có lợi thế lớn ở thị trường Nhật Bản nhờ sự thơm ngon, có thể sản xuất và cung cấp quanh năm. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa Việt Nam và Nhật không lớn.

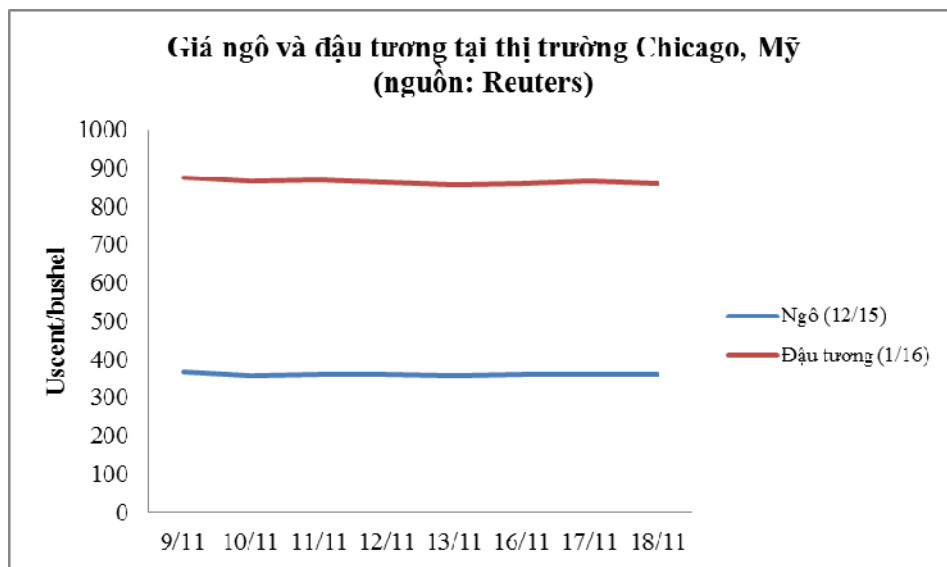
Theo số liệu Hải quan, tuần qua mặt hàng trái cây xuất khẩu chính là thanh long sang thị trường Trung Quốc và Nhật Bản với giá dao động từ 1-1,5 USD/kg. Trong khi đó, mặt hàng trái cây tươi nhập khẩu cũng khá đa dạng, bao gồm cam từ Nam Phi với giá là 1 USD/kg, việt quất từ Úc với giá 9,3 USD/kg và nho đỏ từ Mỹ giá là 2,6 USD/kg.

C.D.H

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường thế giới: Tuần qua, tại thị trường kỳ hạn Chicago, giá ngô và đậu tương tiếp tục duy trì ở mức giá thấp, đặc biệt mặt hàng đậu tương. Giá ngô trong tuần qua vẫn giao động ở mức thấp bình quân tuần trước là 360-361 Uscent/bushel. Tương tự, thị trường đậu tương tiếp tục lao dốc từ mức giá bình quân tuần trước là 864 Uscent/bushel xuống còn 860 Uscent/bushel. Nguyên nhân vẫn là do nguồn cung dồi dào tại các nước trồng lớn, trong khi nhu cầu giảm đặc biệt giảm từ Trung Quốc- nước tiêu thụ 60% lượng đậu tương toàn cầu.

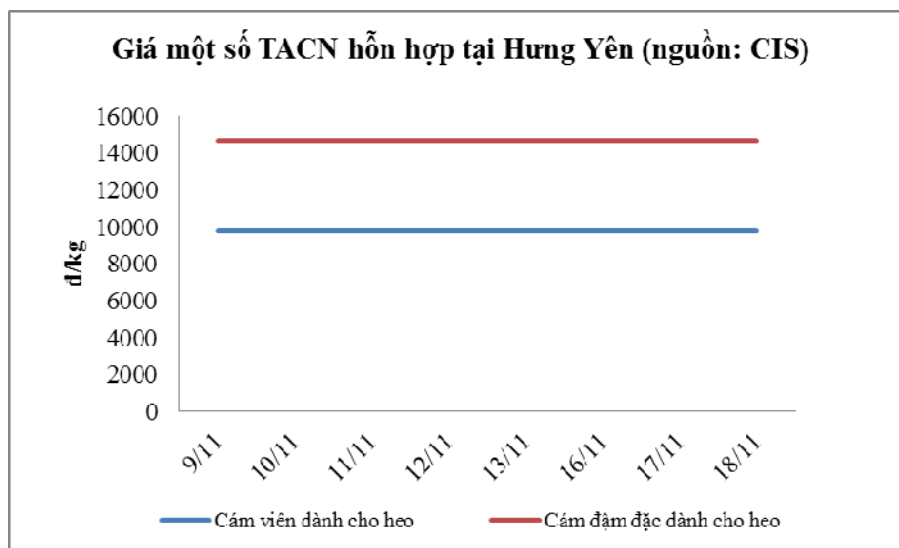


Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng đậu tương toàn cầu niên vụ 2015/16 dự báo giá đậu tương của Braxin, Canada, Archentina, trong tháng tới tiếp tục giảm nhẹ do triển vọng tăng đặc biệt là nguồn cung Braxin có thể đáp ứng được nhu cầu toàn cầu.

Thị trường trong nước Tuần qua, giá thức ăn hỗn hợp trong nước vẫn duy trì ở mức ổn định so với tháng trước. Cụ thể, tại Hưng Yên vẫn giữ vững ở mức giá của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên và đậm đặc cho heo vẫn giữ ở mức tương ứng là 9.800đ/kg và 14.700 đ/kg.



THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Theo số liệu Hải quan, tuần qua lượng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu nhiều nhất vẫn là khô dầu đậu tương từ Braxin, Trung Quốc và Singapore với giá là 0,38-0,39 USD/kg. Dự báo, lượng nhập khẩu đậu tương vào Việt Nam năm 2015 đạt 1,6 triệu tấn, tăng 5,3% so với năm ngoái.

C.D.H

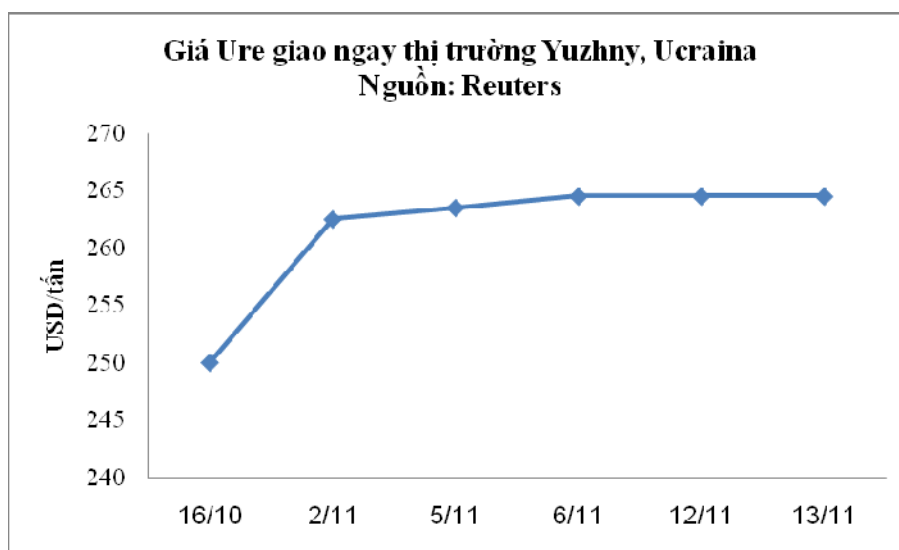
PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Giá phân bón vẫn giảm trong tuần này do nhu cầu trên thị trường quốc tế yếu. Hầu hết các sản phẩm phân bón đều có giá thấp hơn nhiều so với cùng kỳ các năm trước.

Tại Vịnh Mỹ, giá Ure hiện đang ở mức thấp là 247 USD/tấn. Giá Ure giao ngay tại thị trường Yuzhny, Ucraina đạt 264,5 USD/tấn.

Giá bán lẻ phân DAP tại Vịnh Mỹ giảm 23,5 USD/tấn xuống còn 400 USD/tấn. Giá Kali có xu hướng giảm trong tuần qua với mức giá trung bình hiện là 410 USD/tấn.



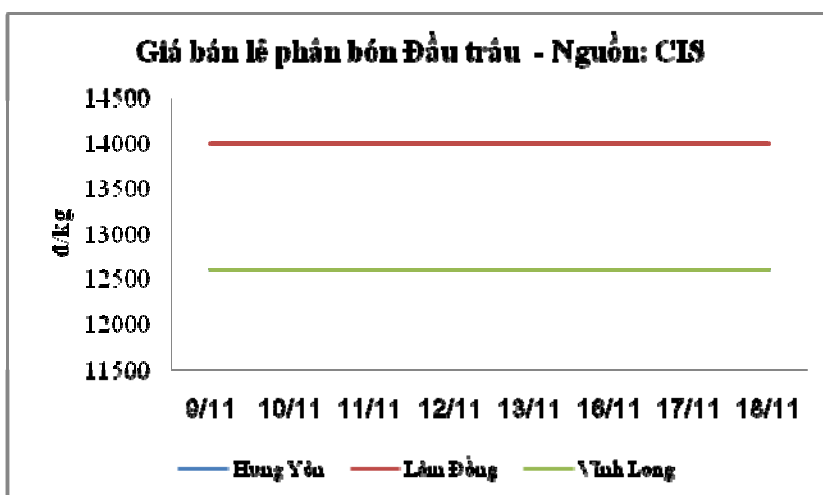
PHÂN BÓN



Thị trường trong nước: Thị trường phân bón trong nước tuần qua trầm lắng. Giá phân bón vẫn ổn định, lượng hàng tiêu thụ tại các khu vực ở mức thấp do hiện nay không phải thời điểm chính vụ.

Hiện tại ở các tỉnh ĐBSCL, giá các loại phân DAP và Kali ở ổn định. Giá các loại phân DAP dao động từ 500.000 - 600.000 đ/bao. Cụ thể, DAP Trung Quốc hạt xanh Hồng Hà 580.000 - 600.000 đồng/bao; DAP Đình Vũ 500.000 - 510.000 đ/bao; DAP Trung Quốc hạt nâu (18-4-6-0) giá 580.000 - 590.000 đ/bao. Phân kali 60% bột 400.000 - 420.000 đ/bao; kali 60% hạt miêng 420.000 - 420.000 đ/bao. Giá phân NPK 16-16-8 Việt Nhật dao động từ 480.000 - 500.000 đ/bao; NPK 20-20-15 Bình Điền 640.000 - 660.000 đ/bao.

Thời gian tới, nhu cầu phân bón cho vụ Đông Xuân tăng, tuy nhiên giá phân bón thế giới đang ở mức thấp, nguồn cung dồi dào nên dự báo giá phân bón trong nước không có biến động lớn.



HNN

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NGÀNH LÚA GẠO TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Cơ hội cho gạo Việt nam xuất khẩu

Các hiệp định thương mại tự do được ký kết trong thời gian qua đã mở ra những cơ hội không nhỏ về thị trường xuất khẩu cho hạt gạo Việt Nam.

EU không phải là một thị trường tiêu thụ gạo lớn. Mỗi năm, khu vực này vẫn tự sản xuất được gần 3 triệu tấn gạo. Theo FAO, ước tính trong năm 2014, diện tích lúa được gieo trồng ở EU là 427.000 ha (chủ yếu tại Ý với 270.000 ha và Tây Ban Nha 110.000 ha), sản lượng 2,796 triệu tấn. Nhưng EU vẫn có nhu cầu nhập khẩu gạo, với lượng nhập năm 2014 vào khoảng 1,4 triệu tấn. Gạo xuất khẩu được sang EU sẽ có giá trị cao. Vì thế, nhiều nước xuất khẩu gạo đang đẩy mạnh thâm nhập vào thị trường này.



Những năm qua, trong khi gạo Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang những thị trường còn tương đối dễ tính, thì gạo Campuchia đã được xuất khẩu khá nhiều sang khu vực EU. Một con số thống kê cho thấy mỗi năm Campuchia xuất khẩu sang EU khoảng 250.000 tấn gạo (khoảng 22% thị phần gạo NK của EU), và gấp tới cả chục lần Việt Nam.

Theo ông Huỳnh Thế Năng, TGD TCTy Lương thực Miền Nam, mấy năm qua, gạo Campuchia xuất khẩu sang EU có lợi thế hơn hẳn so với gạo Việt Nam, vì được hưởng thuế suất nhập khẩu là 0%. Bên cạnh đó, chất lượng gạo của Campuchia cũng đáp ứng được các yêu cầu về dư lượng thuốc BVTV do nông dân nước này chỉ sản xuất 1 vụ và hầu như không dùng tới các loại thuốc hóa học. Nhưng đến thời điểm này, sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) được ký kết, gạo Việt Nam đã có thể cạnh tranh được về giá với gạo Campuchia trên thị trường EU.



Theo Hiệp định nói trên, EU đã cấp hạn ngạch nhập khẩu 80.000 tấn gạo từ Việt Nam với thuế nhập khẩu 0%. Chính các nhà xuất khẩu gạo Campuchia đang lo lắng về điều này. Họ cho rằng trong thời gian tới, gạo Campuchia sẽ phải cạnh tranh gay gắt hơn với gạo Việt Nam tại EU. Hiệp định TPP cũng mở ra cơ hội không nhỏ cho gạo Việt Nam, bởi trong 12 nước tham gia Hiệp định này, Việt Nam là nước sản xuất và xuất khẩu gạo lớn nhất, với lượng XK hiện vào khoảng 6-7 triệu tấn/năm. Nhu cầu nhập khẩu gạo của nhiều nước TPP cũng không nhỏ. Theo ước tính của FAO, năm 2014, Malaysia nhập khẩu 1,1 triệu tấn gạo; Mỹ nhập khẩu 700.000 tấn, Nhật Bản nhập khẩu ổn định 700.000 tấn gạo/năm; Mexico nhập khẩu 700.000 tấn; Canada cũng có nhu cầu nhập khẩu hàng trăm ngàn tấn gạo mỗi năm ...

Thách thức với hạt gạo Việt Nam

Các nước EU và phần lớn các nước có nhu cầu nhập khẩu gạo trong TPP đều có yêu cầu cao về mặt chất lượng, nhất là tồn dư hóa chất BVTV, bởi vậy các doanh nghiệp Việt lo nhiều hơn mừng. Xuất khẩu gạo có tận dụng được cơ hội TPP?

Theo Chủ tịch HĐQT Cty Nông Nghiệp GAP cho biết, có những nhà nhập khẩu Mỹ đang từ chối mua gạo Việt Nam, chuyển sang mua gạo Thái Lan vì họ cho rằng gạo Việt không an toàn bằng gạo Thái.

Trong những thị trường này, Malaysia vốn là một trong những bạn hàng lớn của gạo Việt Nam thông qua các hợp đồng cấp Chính phủ, hơn nữa giữa 2 nước đã có lộ trình cắt giảm thuế quan theo các FTA trước đó, nên tiềm năng mở rộng thêm là không nhiều.

Nhật Bản tuy chủ yếu nhập gạo hạt ngắn và hạt tròn (japonica), nhưng cũng có nhu cầu nhập khẩu gạo hạt dài (indica) với lượng cần nhập khoảng 200.000 tấn/năm. Hiện nay, Nhật Bản chủ yếu nhập khẩu gạo hạt dài từ Thái Lan. Do Nhật Bản vẫn duy trì được mức thuế cao với gạo nhập khẩu, nên gạo Việt Nam không có nhiều cơ hội tại thị trường này, nhất là khi còn thua kém đối thủ Thái Lan ở khía cạnh dư lượng thuốc BVTV.

Riêng Mỹ và Canada, gạo Việt Nam có nhiều lợi thế để gia tăng xuất khẩu, với lượng gạo có thể xuất được sang 2 thị trường này lên tới hàng trăm ngàn tấn mỗi năm. Có thể nói, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU và TPP đang mở ra thêm cơ hội không nhỏ cho hạt gạo Việt Nam. Thế nhưng, các nhà xuất khẩu gạo không những không lạc quan mà lại rất lo lắng về điều này. Nguyên nhân chính là do các nước EU và phần lớn các nước có nhu cầu nhập khẩu gạo trong TPP đều có yêu cầu cao về mặt chất lượng, nhất là tồn dư hóa chất BVTV. Nếu vẫn sản xuất lúa lạm dụng thuốc BVTV như hiện nay, thì e rằng trong hạn ngạch 80.000 tấn gạo được xuất khẩu vào EU với thuế suất 0%, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chẳng thực hiện được bao nhiêu. Còn ở Mỹ, năm ngoái, các doanh nghiệp Việt Nam đã xuất khẩu được sang thị trường này khoảng 70.000 tấn gạo. Nhưng thông tin từ một số doanh nghiệp cho thấy, nếu không kiểm soát được dư lượng chất BVTV, gạo Việt Nam sẽ càng ngày càng khó vào được thị trường Mỹ, kể cả khi có TPP.



Trong khi đó, hiện nay Việt Nam chưa có thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trước điểm yếu này, các chuyên gia kinh tế cho rằng, cùng với việc quy hoạch lại sản xuất, đầu tư giống, xây dựng thương hiệu thì ngành nông nghiệp phải tận dụng thị trường để nâng cao giá trị cho hạt gạo Việt Nam. Trong đó, sản xuất, xuất khẩu gạo theo hướng gạo đặc sản, gạo hữu cơ...

Chính vì vậy mà khi tham gia TPP để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức thì không còn cách nào khác là ngành nông nghiệp phải tái cơ cấu lại sản xuất. Trong đó, các sản phẩm nông nghiệp phải sản xuất theo chuỗi, tạo được lợi thế cạnh tranh về giá cả, chất lượng, kiểm soát tốt an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, cả doanh nghiệp và nông dân phải liên kết chứ không thể cách làm ăn manh mún như trước đây. Người nông dân không thể tham gia sân chơi TPP bằng sản xuất hộ cá thể.

Điều quan trọng nữa Nhà nước phải khuyến khích, thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp theo cả chuỗi. Đặc biệt là ngành chức năng phải giải quyết tồn tại lớn nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam là an toàn vệ sinh thực phẩm.

TPP là “liều thuốc thử” cho tái cơ cấu nông nghiệp. Nếu tái cơ cấu nông nghiệp có hiệu quả thì doanh nghiệp và nông dân sẽ tận dụng được cơ hội của TPP và nhanh chóng vượt qua thách thức để ngành nông nghiệp tiến nhanh hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế./.

C.D.H

Tài liệu tham khảo:

www.nongnghiep.vn

www.vov.vn

50.000 TẤN GẠO TỪ VIỆT NAM VÀ THÁI LAN SẼ CẬP CẢNG INDONESIA

Theo Thông tấn xã Việt Nam, đầu năm 2016, 50.000 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan nhập khẩu vào Indonesia sẽ cập cảng Dumai ở tỉnh Riau, Indonesia. Số gạo trên nằm trong số hơn 1 triệu tấn gạo mà Indonesia đã đàm phán để nhập khẩu làm nhiều đợt từ hai nước sản xuất gạo hàng đầu thế giới là Thái Lan và Việt Nam.



Chính phủ Indonesia quyết định nhập khẩu gạo để đảm bảo nguồn cung trên thị trường nhằm ổn định giá của mặt hàng thiết yếu đối với 250 triệu dân của quốc đảo. Trước đó, đã có những lô hàng gạo nhập khẩu không chỉ được chuyển đến thủ đô Jakarta, mà còn được phân bố đều ra một số cảng biển khác như Merauke, Papua, Bắc Sulawesi... nhằm tạo thuận lợi cho việc phân phối.

Theo Bộ Nông nghiệp Indonesia, tình trạng hạn hán kéo dài từ tháng 8-11-2015 khiến ngành sản xuất lúa gạo của Indonesia thất thu. Sản lượng lúa của nước này không đạt mức 75,5 triệu tấn trong năm nay như ước tính trước đó của Cục Thống kê Quốc gia.

Lượng gạo tồn kho của Indonesia tính đến tháng 12 dự kiến chỉ đạt khoảng 62.000 tấn, trong khi cần dự trữ từ 1,5-2 triệu tấn mới có thể đáp ứng nhu cầu trước khi vào vụ thu hoạch mới đầu năm 2016.

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)



ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU CÁ TRA

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết sau hơn một năm triển khai thực hiện, Nghị định 36/2014/NĐ-CP đã có những tác động tích cực củng cố và thúc đẩy phát triển ngành hàng cá Tra. Quy hoạch tổng thể nuôi cá tra vùng Đồng bằng sông Cửu Long được rà soát, phù hợp với nhu cầu thị trường; nhiều vùng nuôi đã ứng dụng và được chứng nhận GAP hướng đến nuôi bền vững về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường; liên kết trong nuôi, chế biến cá tra được hình thành và thúc đẩy rõ rệt hơn; thông tin nuôi, chế biến và xuất khẩu cá tra được cập nhật, chính xác và chi tiết hơn, là cơ sở để quản lý và chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ cá tra.

Đến nay có khoảng 2.500 ha nuôi cá tra thương phẩm ứng dụng và được chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt. Theo báo cáo của Hiệp hội cá Tra Việt Nam, tính đến ngày 30/9/2015, đã có 203 doanh nghiệp thực hiện đăng ký hợp đồng xuất khẩu, tổng số hồ sơ được xác nhận là 16.560 bộ, gồm 20.980 lô hàng với tổng khối lượng sản phẩm cá Tra các loại đăng ký xuất khẩu là 739.653 tấn.

Bên cạnh đó, việc triển khai Nghị định 36/2014/NĐ-CP cũng có những khó khăn nảy sinh. Cụ thể, các quy định tại điểm b, điểm c Khoản 3 Điều 6 của Nghị định 36/2014/NĐ-CP về sản phẩm cá Tra phi lê đông lạnh xuất khẩu có hàm lượng nước không được vượt quá 83%, tỷ lệ mỡ băng không được vượt quá 10% nhằm định hướng phát triển ngành hàng tới sản xuất sản phẩm cá Tra phi lê đông lạnh xuất khẩu chất lượng, nâng cao hình ảnh, uy tín của cá Tra Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Từ tháng 9/2014 – 6/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học nhằm đánh giá và xác định tỷ lệ nước tự nhiên có trong cá tra nguyên liệu; kết quả cho thấy hàm lượng ẩm từ 83% – 86% là giới hạn cho phép bảo đảm chất lượng và cảm quan của sản phẩm cá tra phi lê, nếu vượt quá 86% chất lượng bị giảm và coi như lạm dụng và gian lận thương mại. Mặt khác, sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh có hàm lượng nước từ 83% trở xuống chỉ chiếm 3,03%, trong khi sản phẩm có hàm lượng nước lớn hơn 86% chiếm tới 75,32%. Sản phẩm phi lê cá tra có tỷ lệ mỡ băng nhỏ hơn hoặc bằng 10% chiếm 49,35% sản phẩm có tỷ lệ mỡ băng trên 20% chiếm 16,02%.

Trong các tháng 4 – 5/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều tra hiện trạng xuất khẩu sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh tại 26 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra, kết quả cho thấy các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra hiện đang sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cá Tra phi lê đông lạnh có hàm lượng nước từ 83% - 89%, mỡ băng từ 10% – 30%.



Trong bối cảnh nhu cầu của thị trường yếu, các nhà nhập khẩu chưa chấp nhận tăng giá do tăng chất lượng, để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cá Tra và cần có lộ trình thích hợp để nâng cao chất lượng sản phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quy định: Tỷ lệ mạ băng (tỷ lệ nước mạ băng trên trọng lượng tổng) đối với sản phẩm cá tra xuất khẩu phải phù hợp với quy định của nước nhập khẩu. Các trường hợp khác tỷ lệ mạ băng không được vượt quá 30%. Hàm lượng nước tối đa không được vượt quá 86% so với khối lượng tịnh (khối lượng cá tra phi lê sau khi loại bỏ lớp mạ băng) của sản phẩm.

Đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra

Theo Nghị định 36/2014/NĐ-CP, thương nhân xuất khẩu sản phẩm cá tra phải đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra với Hiệp hội cá tra Việt Nam.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mục đích của việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá tra với Hiệp hội cá tra Việt Nam là khâu kiểm soát cuối cùng trong chuỗi giá trị sản xuất của sản phẩm cá tra, cân đối cung cầu giữa nhu cầu thị trường và sản xuất nguyên liệu, tạo động lực để các bên tham gia liên kết, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện đã phát sinh thêm thủ tục hành chính.

Để tạo điều kiện cho các thương nhân xuất khẩu mà vẫn kiểm soát được chất lượng toàn chuỗi sản xuất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất sửa đổi theo hướng bãi bỏ thủ tục hồ sơ đăng ký với Hiệp hội cá tra Việt Nam thay bằng Bản đăng ký của thương nhân với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cụ thể, theo dự thảo, trước ngày 25 hàng tháng, thương nhân nộp bản đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá tra theo mẫu quy định cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thương nhân có trách nhiệm lưu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được cơ quan hải quan xác nhận (Tờ khai Hải quan), bản gốc Hợp đồng mua cá tra nguyên liệu, Hợp đồng gia công chế biến (trường hợp sản phẩm được chế biến theo hình thức gia công với một cơ sở chế biến khác) và bản sao Giấy đăng ký nuôi cá tra thương phẩm. Thời gian lưu 24 tháng kể từ ngày xuất khẩu sản phẩm được chế biến từ nguồn cá tra nguyên liệu trên...

(Theo Báo Điện tử Chính phủ)

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Trong nước										
Cà phê nhân xô vôi	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg		35800	35900	36000	35500	34500	34700	34600
Cà phê nhân xô vôi	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	35500	35000	35000	35000	34500	33900	34000	34000
Thế giới										
Cà phê Robusta (11/15)	London - Anh	USD /tấn			1598	1575	1518	1536		1474

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Trong nước										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước- Phước Long	đ/kg	7040		7040		7040	7040		6400
Thế giới										
cao su RSS3 (11/15)	TOCOM- Nhật Bản	Yên/kg	131,5	130,8	132,8	132	130,1	129	130,7	130,5
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	44,75	45,25	45,5	45,5	45,7	45,7	45,15	44,9
SIR20 BELAWAN NN (12/15)	Indonesia	Uscent /kg	133	132,5	132,5	134	133,5	133,5	132,5	131,5

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Đường trắng (3/16)	London - Anh	USD /tấn	375,7	384,8	383,5	402,6	403,5	405,3	396,5	390,8

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Gỗ xẻ (1/16)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	252	254	256	248,6	243,1	242,1	239,2	238,7

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	32000	32000	32000	32000	32000	32000	32000	32000
Gà trống ta hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	100000	100000	100000
Lợn hơi	Vĩnh Long-Chợ Vung Liêm	đ/kg	40000		40500		40500	40500		40000
Lợn hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	37000	37000	37000	37000	37000	38000	38000	38000
Thế giới										
Lợn hơi (12/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	53,725	53,55	56,175	56,1	54,8	51,8	54,175	54,375

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14700		14700		14700	14700		14700
Thế giới										
Ngô (12/15)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	366,75	359	362,25	362	358,25	360	362	361,75
Đậu tương (1/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	873,5	864,5	868,5	863	855,25	859,5	864	857,75

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000	130000	130000		130000	130000	130000	
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	200000	200000	200000		200000	200000	200000	
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	150000	150000	150000		150000	150000	150000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000	13000	13000		13000	13000	13000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000	8000	8000		8000	8000	8000	
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg					4,16			

LÚA, GẠO										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Lúa thu đông giống IR50404	Vĩnh Long	đ/kg	4200		4200		4200	4200		4200
Lúa CLC IR 50404 (lúa ứot)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4800	4800	4900	4900	4900	4900	4900	4900
Lúa CLC OM 2514 (lúa ứot)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4900	4900	5000	5000	5000	5000	5000	5000
Lúa CLC OM 1490 (lúa ứot)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4900	4900	5000	5000	5000	5000	5000	5000
Lúa CLC OM 2717 (lúa ứot)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4950	4950	5100	5100	5100	5100	5100	5000
Lúa tẻ thường	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5800		5800		5800	5800		5900
Lúa dài	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	6000		6000		6000	6000		6000
Gạo CLC IR 50404	Vĩnh Long	đ/kg	10000		10000		10000	10000		10000
Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000

HẠT ĐIỀU							
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY				
			9/11	11/11	13/11	16/11	18/11
Hạt điều khô mua xô	Bình Phước- Huyện Bù Đăng	đ/kg	37000	35500	35500	35500	36500

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4000	4000	4000	4000
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	22000	22000	22000	22000	22000	22000	22000	22000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	12000	12000	12000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	50000	50000	50000	50000	45000	45000	45000	45000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	18000	20000	20000	20000	20000	20000	20000	20000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8500	8500	8500	8000	7500	6000	6000	6000
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	4000	4000	4000	4000	4000	5000	5000	5000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	17000	17000	17000	17000	16000	16000	16000	16000

QUẢ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			9/11	10/11	11/11	12/11	13/11	16/11	17/11	18/11
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	45000	44000	44000	44000	44000	44000	44000	44000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	15000	15000	13000	13000	13000	13000	13000	13000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	5500
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	14000	14000	14000	14000	13000	13000	13000	13000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	38000	45000	55000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	31000	32000	32000	32000	32000	40000	50000	58000